

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên: Nguyễn Phú Trọng**

**HẢI PHÒNG – 2025**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH  
VỰC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUA THỰC  
TIỄN TẠI MỘT SỐ VƯỜN QUỐC GIA VÀ KHU BẢO  
TỒN THIÊN NHIÊN CỦA VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên: Nguyễn Phú Trọng**  
**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Lan**

**HẢI PHÒNG – 2025**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Phú Trọng

Mã SV: 2113901006

Lớp: PLL2501K

Ngành: Luật

Tên đề tài: Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

#### **Nội dung:**

Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam

#### **Yêu cầu giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp:**

- Khái quát được hệ thống hóa cơ sở lý luận về pháp luật bảo vệ ĐVHD và xử lý vi phạm trong lĩnh vực này.
- Phân tích thực trạng xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD tại một số Vườn Quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

### **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

- Sử dụng các tài liệu có sẵn tin cậy: sách, báo, tạp chí, các bài nghiên cứu đã công bố, ... liên quan đến lĩnh vực bảo vệ ĐVHD;
- Các văn bản luật, văn bản dưới luật để áp dụng vào các trường hợp lý xử vi phạm: Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Luật Lâm nghiệp,...

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp Hợp tác xã Việt Nam – Hàn Quốc. Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Họ và tên** : Vũ Thị Thanh Lan

**Học hàm, học vị** : Thạc sỹ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học hàng hải Việt Nam

**Nội dung hướng dẫn:** Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 17 tháng 02 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 10 tháng 05 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN  
*Sinh viên:*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN  
*Giảng viên hướng dẫn*

**Nguyễn Phú Trọng**

**Vũ Thị Thanh Lan**

*Hải Phòng, ngày      tháng 05 năm 2025*

**XÁC NHẬN CỦA KHOA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Vũ Thị Thanh Lan

Đơn vị công tác: Trường Đại học hàng hải Việt Nam

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Phú Trọng Chuyên ngành: Luật

Nội dung hướng dẫn: Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Có tinh thần cầu thị, chủ động trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp;
- Hoàn thành đúng yêu cầu mà Giảng viên hướng dẫn đề ra;
- Hoàn thành đúng tiến độ.

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Đã trình bày được cơ sở lý luận về pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã.
- Phân tích được thực tiễn vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam. Các vụ án có nguồn trích dẫn tài liệu cụ thể, tin cậy. Bảng biểu sắp xếp logic, văn bản trình bày phù hợp với đề tài.
- Đề xuất được các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã có cơ sở khoa học, logic và tính thực tiễn.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☒ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Thanh Lan

# MỤC LỤC

|                                                                                                                        |     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| LỜI CAM ĐOAN.....                                                                                                      | i   |
| LỜI CẢM ƠN .....                                                                                                       | ii  |
| DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....                                                                                              | iii |
| DANH MỤC BẢNG BIỂU .....                                                                                               | iv  |
| DANH MỤC HÌNH ẢNH .....                                                                                                | iv  |
| PHẦN MỞ ĐẦU .....                                                                                                      | 1   |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài .....                                                                                     | 1   |
| 2. Nội dung của khóa luận.....                                                                                         | 3   |
| CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM TRONG<br>LĨNH VỰC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ.....                     | 4   |
| 1.1. Khái quát về động vật hoang dã.....                                                                               | 4   |
| 1.1.1. Khái niệm về động vật hoang dã.....                                                                             | 4   |
| 1.1.2. Vai trò của động vật hoang dã.....                                                                              | 5   |
| 1.1.3. Phân loại động vật hoang dã .....                                                                               | 5   |
| 1.2. Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam .....                                                            | 8   |
| 1.2.1. Các Công ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc là thành trực tiếp liên quan<br>đến bảo vệ động vật hoang dã ..... | 8   |
| 1.2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật tại Việt Nam liên quan đến bảo vệ động vật<br>hoang dã .....                     | 9   |
| 1.3. Quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã.....                                            | 17  |
| 1.3.1. Những nội dung cơ bản về pháp luật bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam<br>.....                                 | 17  |
| 1.3.2. Thẩm quyền của các cơ quan chức năng liên quan đến bảo vệ động vật hoang<br>dã tại Việt Nam.....                | 19  |

|                                                                                                                                             |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.3.3. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam .....                              | 21 |
| TIÊU KẾT CHƯƠNG 1:.....                                                                                                                     | 23 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI MỘT SỐ VƯỜN QUỐC GIA VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở VIỆT NAM..... | 24 |
| 2.1. Khái quát về hệ thống Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam .....                                                        | 24 |
| 2.1.1. Khái quát về hệ thống Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam. ....                                                      | 24 |
| 2.1.2. Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên có tầm quan trọng cao trong bảo vệ động vật hoang dã.....                               | 30 |
| 2.2. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.....            | 31 |
| 2.2.1. Săn bắt, bẫy động vật trái phép .....                                                                                                | 32 |
| 2.2.2. Buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm từ động vật hoang dã.....                                                                  | 32 |
| 2.2.3. Vi phạm của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài khu bảo tồn....                                                            | 33 |
| 2.3. Thực tiễn xử lý vi phạm tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam .....                                           | 33 |
| 2.3.1. Vụ án thuộc khu vực Vườn Quốc gia Cúc Phương .....                                                                                   | 33 |
| 2.3.2. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Bạch Mã.....                                                                                     | 37 |
| 2.3.3. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát .....                                                                             | 39 |
| 2.3.4. Vụ án thuộc khu vực Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông.....                                                                            | 41 |
| 2.3.5. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Bù Gia Mập .....                                                                                 | 44 |
| 2.4. Đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật từ những vụ án điển hình tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam.....    | 46 |

|                                                                                                                                                 |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.4.1. Về căn cứ pháp lý.....                                                                                                                   | 46 |
| 2.4.2. Về hình thức xử lý .....                                                                                                                 | 47 |
| 2.4.3. Về khó khăn trong xử lý .....                                                                                                            | 47 |
| 2.4.4. Về bài học kinh nghiệm qua các vụ án.....                                                                                                | 47 |
| 2.5. Các bất cập và hạn chế trong xử lý vi phạm từ những vụ án điển hình tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam ..... | 48 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2:.....                                                                                                                         | 50 |
| CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ .....                       | 52 |
| 3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã.....                                                                           | 52 |
| 3.1.1. Bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật về xử lý vi phạm .....                                                                               | 52 |
| 3.1.2. Nâng cao tính răn đe trong chế tài xử lý.....                                                                                            | 54 |
| 3.1.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng .....                                                                                  | 56 |
| 3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.....                                                                                        | 59 |
| 3.2.1. Tăng cường giám sát, kiểm soát hoạt động buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã.....                                                     | 59 |
| 3.2.2. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.....                                                                              | 61 |
| 3.2.3. Ứng dụng công nghệ trong giám sát và bảo vệ động vật hoang dã.....                                                                       | 62 |
| 3.2.4. Xây dựng cơ chế phản hồi, tiếp nhận thông tin từ người dân .....                                                                         | 62 |
| 3.3. Xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả.....                                                                                       | 62 |
| 3.3.1. Xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả.....                                                                                     | 62 |
| 3.3.2. Tăng cường hợp tác với các tổ chức bảo tồn trong và ngoài nước .....                                                                     | 63 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 3:.....                                                                                                                         | 65 |
| KẾT LUẬN .....                                                                                                                                  | 68 |

|                         |    |
|-------------------------|----|
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 70 |
|-------------------------|----|

## LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan rằng đề tài tốt nghiệp: “***Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam***” là kết quả nghiên cứu độc lập của em, được thực hiện theo hướng dẫn của Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Thị Thanh Lan.

Toàn bộ nội dung bao gồm các khóa luận này được tổng hợp, phân tích từ các nguồn tài liệu có độ tin cậy cao, bao gồm các văn bản luật, sách, bài báo khoa học và thực tiễn áp dụng pháp luật tại Việt Nam. Các trích dẫn trong khóa luận đều được ghi rõ nguồn theo đúng quy định.

Em xin cam kết hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của nội dung luận luận và cam kết rằng luận luận này không sao chép hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Nếu có bất kỳ sai sót hoặc vi phạm nào liên quan đến tính trung thực của khóa luận, em xin hoàn toàn cam chịu trước nhà trường và pháp luật.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025*

**SINH VIÊN THỰC HIỆN**

**Nguyễn Phú Trọng**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Giảng viên ThS. Vũ Thị Thanh Lan đã đồng hành cùng em trong suốt thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài: ***“Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam”***.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu, các thầy cô Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, đặc biệt là Khoa Quản trị kinh doanh, đã truyền đạt cho em những kiến thức bổ ích trong suốt quá trình học tập tại Trường. Các bài giải, tài liệu và kinh nghiệm thực tiễn từ thầy cô là nền tảng quan trọng giúp em thực hiện đề tài này.

Bên cạnh đó, em xin cảm ơn các cơ quan, tổ chức và cá nhân đã cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu thực tiễn giúp em có thêm tư liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình và bạn bè, những người đã luôn động viên, khích lệ và tạo điều kiện tốt nhất để em có thể hoàn thành khóa luận này.

Do giới hạn về thời gian và kiến thức, bài khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được những lời đánh giá, góp ý quý giá từ thầy cô và bạn bè để có thể hoàn thiện hơn nữa kiến thức của mình.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

*Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2025*

**SINH VIÊN THỰC HIỆN**

**Nguyễn Phú Trọng**

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Ý nghĩa                                                                                                                                                           |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ASEAN       | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á                                                                                                                                  |
| CITES       | <i>Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora</i> : Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp |
| ĐVHD        | Động vật hoang dã                                                                                                                                                 |
| ĐVR         | <i>Động vật rừng</i>                                                                                                                                              |
| IUCN        | <i>International Union for Conservation of Nature and Natural Resources</i> : Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế                                               |
| KBTTN       | Khu bảo tồn thiên nhiên                                                                                                                                           |
| NN&PTNT     | Nông nghiệp và phát triển nông thôn                                                                                                                               |
| NĐ-CP       | Nghị định chính phủ                                                                                                                                               |
| RĐD         | Rừng đặc dụng                                                                                                                                                     |
| UNESCO      | <i>United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization</i> : Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc                                     |
| UNODC       | Văn phòng Liên Hợp Quốc về chống Ma túy và Tội phạm                                                                                                               |
| UNEP        | <i>United Nations Environment Programme</i>                                                                                                                       |
| VQG         | Vườn Quốc gia                                                                                                                                                     |

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

|                                                                                       |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1. 1. Các văn bản dưới luật liên quan đến quản lý, bảo vệ động vật hoang dã..... | 15 |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----|

## **DANH MỤC HÌNH ẢNH**

|                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2. 1. Bản đồ phân bố Hệ thống Vườn Quốc gia tại Việt Nam ..... | 25 |
|---------------------------------------------------------------------|----|

|                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------|----|
| Hình 2. 2. Hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam ..... | 27 |
|----------------------------------------------------------------|----|

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao, với nhiều loài động vật hoang dã (ĐVHD) quý hiếm và đặc hữu. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự suy giảm đa dạng sinh học ngày càng nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân như mất môi trường sống, biến đổi khí hậu và đặc biệt là các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến săn bắt, buôn bán, vận chuyển và tiêu thụ ĐVHD trái phép.

Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên – nơi được coi là "lá phổi xanh" và là nơi trú ngụ của nhiều loài ĐVHD – cũng đang phải đối mặt với tình trạng săn bắt và khai thác trái phép ngày càng gia tăng. Theo báo cáo của Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV), từ năm 2010 đến nay, Việt Nam ghi nhận hàng nghìn vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD, trong đó có nhiều vụ nghiêm trọng như:

- Năm 2018, lực lượng chức năng phát hiện 7 tấn ngà voi nhập lậu tại cảng Tiên Sa, Đà Nẵng.
- Năm 2020, một vụ buôn bán 125 cá thể tê tê trái phép bị triệt phá tại tỉnh Nghệ An.
- Tại Vườn quốc gia Cát Tiên, số lượng hổ, voi đã giảm mạnh do tình trạng săn bắt trái phép, với trường hợp cá thể tê giác Java cuối cùng ở Việt Nam bị săn bắn vào năm 2010.

Điều này đặt ra một thách thức lớn đối với hệ thống pháp luật và cơ quan chức năng trong việc bảo vệ ĐVHD.

Ở Việt Nam hiện nay đã ban hành nhiều văn bản pháp luật nhằm bảo vệ ĐVHD, như Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Đa dạng sinh học, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) với các quy định về xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật còn nhiều bất cập như:

- Các chế tài xử lý chưa đủ sức răn đe, đặc biệt là đối với các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia chuyên buôn bán ĐVHD. Ví dụ, theo ENV, chỉ có khoảng 10% số vụ án liên quan đến ĐVHD bị xử lý hình sự, phần lớn bị xử phạt hành chính với mức tiền chưa tương xứng.

- Việc thực thi pháp luật chưa đồng bộ, còn tình trạng chông chéo giữa các cơ quan quản lý. Điển hình là vụ bắt giữ hơn 200 cá thể rùa quý hiếm tại TP. Hồ Chí Minh năm 2016 nhưng gặp khó khăn trong xử lý do sự phối hợp giữa các đơn vị chưa hiệu quả.

- Nhận thức của một bộ phận người dân về bảo vệ ĐVHD còn hạn chế, dẫn đến hành vi tiêu thụ các sản phẩm từ ĐVHD vẫn diễn ra phổ biến. Theo một khảo sát của WWF năm 2021, hơn 50% người dân Việt Nam vẫn tin vào tác dụng chữa bệnh của sừng tê giác.

Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi, xử lý vi phạm là một yêu cầu cấp bách để bảo vệ đa dạng sinh học, đảm bảo phát triển bền vững.

Việc nghiên cứu pháp luật và thực tiễn xử lý vi phạm tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên không chỉ giúp đánh giá hiệu quả của các quy định hiện hành mà còn góp phần đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao công tác thực thi pháp luật.

Các khu vực này là nơi trực tiếp chịu tác động từ các hành vi vi phạm, do đó việc nghiên cứu thực tiễn xử lý vi phạm có thể giúp rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp tăng cường bảo vệ ĐVHD, như:

- Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý với các chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi săn bắt, buôn bán trái phép ĐVHD. Tăng mức xử phạt đối với hành vi buôn bán, tàng trữ ĐVHD quý hiếm.

- Tăng cường năng lực thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng tại địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ ĐVHD.

Như vậy, việc nghiên cứu đề tài: ***“Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã qua thực tiễn tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên của Việt Nam”*** không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang tính thực tiễn cao, góp phần vào công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

## **2. Nội dung của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, khóa luận gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã
- Chương 2: Thực tiễn xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại một số vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam
- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã.

# CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

## 1.1. Khái quát về động vật hoang dã

### 1.1.1. Khái niệm về động vật hoang dã

Hiện nay vẫn chưa có khái niệm chính thức về Động vật hoang dã, vì vậy rất khó để đưa ra một khái niệm chính xác về ĐVHD. Trong phạm vi nghiên cứu của khóa luận, tác giả sẽ tổng hợp, tham khảo và phân tích các tài liệu có sẵn ở Việt Nam và trên thế giới nhằm đưa ra một khái niệm tương đối về ĐVHD theo sự phân tích và nhìn nhận của tác giả.

Theo khoản 13, điều 3, luật Đa dạng sinh học năm 2008 quy định: “*Loài hoang dã là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật*” [1].

Cũng theo khoản 4, Điều 1 Nghị định 84/2021/NĐ-CP: “*Động vật hoang dã là những loài động vật sinh sống, phát triển trong sinh cảnh tự nhiên, nhân tạo hoặc loài động vật được nuôi, trồng trong môi trường có kiểm soát nhưng không phải là vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thuộc một trong các trường hợp sau:*

- a) Loài động vật NCQH được ưu tiên bảo vệ;*
- b) Loài động vật rừng NCQH;*
- c) Loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES;*
- d) Loài động vật rừng thông thường;*

*đ) Loài động vật trên cạn khác thuộc lớp chim, thú, bò sát, lưỡng cư, trừ một số loài thuộc Danh mục do Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT và các cơ quan liên quan công bố*”[2].

Bên cạnh đó, từ điển “*American Heritage® Dictionary of the English Language, Fifth Edition*” cũng nêu rằng: “*ĐVHD được hiểu là những loài động vật chưa bị thuần hoá và thường sống trong môi trường tự nhiên*”[16].

Tựu chung lại, có thể hiểu rằng ĐVHD là những loài động vật sinh sống và

phát triển trong môi trường tự nhiên, đặc biệt là trong các hệ sinh thái rừng, nơi chúng duy trì quần thể và vòng đời của mình mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người như loài hổ, voọc, vượn, tê tê,....

### **1.1.2. Vai trò của động vật hoang dã**

ĐVHD đóng một vai trò quan trọng và mang lại giá trị to lớn trong hệ sinh thái: cân bằng hệ sinh thái bền vững, duy trì ổn định môi trường hoang dã,.. ĐVHD là thành phần quan trọng trong quá trình chọn lọc tự nhiên, là mắt xích quan trọng không thể thiếu tạo liên liên kết các chuỗi thức ăn. Bên cạnh đó, nhiều loài ĐVHD mang nhiều loài gen quý hiếm mà nhiều loài khác không có, tạo ra nhiều loài đặc hữu được xem như là biểu tượng của quốc gia hay vùng lãnh thổ. Thông qua các nguồn gen quý này, con người có thể nghiên cứu sâu hơn về các loại ĐVHD, ngoài ra ĐVHD còn mang lại nhiều giá trị khác như: làm thức ăn, dược liệu, nghiên cứu khoa học,...

### **1.1.3. Phân loại động vật hoang dã**

Phân loại ĐVHD theo mức độ nguy cấp đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn ĐVHD, dựa vào phân loại theo mức độ nguy cấp sẽ đánh giá được những loài nguy cấp cần được ưu tiên bảo tồn. Thực tế trên thế giới có nhiều tổ chức, quốc gia đã xây dựng hệ thống phân loại khác nhau. Trong đó các thức phân loại phổ biến nhất được các chuyên gia, nhà khoa học, các nhà nghiên cứu sử dụng nhiều nhất là phân loại ĐVHD của tổ chức IUCN.

IUCN (tên tiếng anh: *International Union for Conservation of Nature and Natural Resources*) là một tổ chức ra đời năm 1948 tại Gland, Thụy Sĩ. Từ năm 1963 đến nay, IUCN thường xuyên phát hành Sách đỏ (tên tiếng anh: *IUCN Red List of Threatened Species, IUCN Red List hay Red Data List*) là danh sách về tình trạng bảo tồn của các loài động vật và thực vật trên thế giới. Theo đó, các loài ĐVHD được chia thành 09 bậc như sau [18]:

- **EX:** Extinct: Tuyệt chủng;
- **EW:** Extinct in the Wild: Tuyệt chủng trong tự nhiên;

- **CR:** Critically Endangered: Cực kỳ nguy cấp, có nguy cơ tuyệt chủng;
- **EN:** Endangered: Nguy cấp cao;
- **VU:** Vulnerable VU: Bị đe dọa, sắp nguy cấp;
- **NT:** Near Threatened NT: Sắp bị đe dọa hoặc nguy cơ nhẹ;
- **LC:** Least Concern: Ít quan tâm;
- **DD:** Data Deficient: Không đủ dữ liệu;
- **NE:** Not Evaluated: Không phân loại hoặc không đánh giá.

Việt Nam cũng có hệ thống phân loại riêng trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP [3] và Nghị định 84/2021/NĐ-CP, chia thành hai nhóm chính:

- **Nhóm IB:** Các loài thiết bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm trọng khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại (ví dụ: Hổ, tê tê, voi).
- **Nhóm IIB:** Các loài có nguy cơ tuyệt chủng nhưng vẫn được phép khai thác với điều kiện chất béo (ví dụ: Cà hương, rắn hổ mang).

Ngoài ra, Sách Đỏ Việt Nam cũng áp dụng các cấp độ nguy cấp tương tự của IUCN nhưng có điều chỉnh để phù hợp với điều kiện quần thể loài ở Việt Nam. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, các loài ĐVHD sẽ được coi là nguy cấp, quý, hiếm và được bảo vệ bởi pháp luật Việt Nam khi nằm trong phụ lục I, II của công ước CITES. Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về “*Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*” và Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*”.

Hiện nay, hai văn bản trên là mới nhất của Chính phủ Việt Nam để xác định và đánh giá các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, ưu tiên bảo vệ cao nhất theo pháp

luật hiện tại của Việt Nam. Việc đưa ra khái niệm “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” dẫn đến cách hiểu còn hai nhóm khác trong cách thức phân loại này là “*loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm không được ưu tiên bảo vệ*” và “*loài ĐVHD thông thường*”. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện tại vẫn chưa đề cập và đưa ra tiêu chí để thiết lập danh sách hai nhóm loài còn lại này.

#### **1.1.4. Tầm quan trọng của bảo tồn động vật hoang dã**

Vấn đề bảo tồn ĐVHD là một việc làm quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học. Theo khoản 1, điều 3, luật Đa dạng sinh học năm 2008: “*Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ sự phong phú của các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, đặc thù hoặc đại diện; bảo vệ môi trường sống tự nhiên thường xuyên hoặc theo mùa của loài hoang dã, cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên; nuôi, trồng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; lưu giữ và bảo quản lâu dài các mẫu vật di truyền*”. Trong đó, các loài ĐVHD là một thành phần quan trọng và không thể thay thế của đa dạng sinh học nói chung và hệ sinh thái nói riêng. Các loài này đã trải qua triệu năm tiến hóa để thích nghi với môi trường tự nhiên đầy khắc nghiệt và luôn luôn thay đổi, mỗi loài tuyệt chủng sẽ vĩnh viễn bị mất đi, từ đó gây ra những hệ lụy không tưởng cho đa dạng sinh học, sẽ gây ra hiệu ứng đứt gãy mất cân bằng sinh thái và con người sẽ gánh chịu mọi hậu quả.

Do đó, tại Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/07/2013 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về “*Phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*” đã nêu rõ: “*Đa dạng sinh học là nền tảng của nền kinh tế xanh, bảo tồn đa dạng sinh học là một trong các giải pháp then chốt nhằm thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu*”.

Việc bảo tồn ĐVHD là một vấn đề đang được thế giới đặc biệt quan tâm bởi chúng đóng vai trò là một mắt xích quan trọng để bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường nói chung. Đây cũng là vấn đề mang tầm quốc tế mà không phải của riêng quốc gia, dân tộc nào.

Tóm lại, theo quan điểm của tác giả, bảo vệ ĐVHD là hoạt động nhằm bảo vệ các loài động vật sinh sống và phát triển theo quy luật tự nhiên mà không có sự tác

động của con người làm thay đổi môi trường sống của chúng. Việc bảo vệ ĐVHD không chỉ tạo điều kiện cho loài có đủ địa phát triển, sinh trưởng, ngoài ra còn giúp chúng tránh khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

## **1.2. Pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam**

Theo nghiên cứu, hiện nay Việt Nam đang sử dụng các quy định về bảo vệ ĐVHD gồm 02 loại:

- Các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia;
- Các văn bản luật, văn bản dưới luật về các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ ĐVHD.

### **1.2.1. Các Công ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc là thành trực tiếp liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã**

#### ***a. Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)***

Công ước CITES (tiếng Anh: *Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora*) là Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) một hiệp ước đa phương. Công ước được đưa ra ký kết năm 1973 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 1975. Tới nay, với 184 quốc gia thành viên, CITES là Hiệp ước quốc tế về bảo tồn có số lượng thành viên lớn nhất toàn cầu.

Mục đích của Công ước CITES nhằm đảm bảo rằng việc thương mại quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã nguy cấp mà không đe dọa sự sống còn của các loài này trong tự nhiên, và cũng đưa ra nhiều cấp độ khác nhau để bảo vệ hơn 34.000 loài động và thực vật.

Quy định của CITES mang tính pháp lý được áp dụng trên toàn thế giới đối với tất cả các nước thành viên, mỗi nước thành viên phải đảm bảo rằng luật, các quy định quốc gia hài hoà với những quy định của CITES.

Việt Nam tham gia vào Công ước CITES năm 1994 và trở thành thành viên thứ 121 gia nhập Công ước. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là bộ Nông

ng nghiệp và môi trường) được giao là Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước.

### ***b. Công ước về Đa dạng sinh học (CBD)***

Công ước về Đa dạng sinh học (tiếng Anh: *Convention on Biological Diversity*) là một hiệp ước đa phương. Mục tiêu của Công ước là bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng lâu bền các hợp phần của nó và phân phối công bằng hợp lý lợi ích có được nhờ việc khai thác và sử dụng nguồn gen bao gồm cả việc tiếp cận hợp lý nguồn gen và chuyển giao thích hợp công nghệ cần thiết có tính đến các quyền sở hữu tài nguyên, công nghệ, nhờ có các tài trợ thích đáng.

Nguyên tắc của Công ước: Các quốc gia, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc và các nguyên tắc luật pháp quốc tế có toàn quyền khai thác các tài nguyên của họ theo các chính sách mà họ đề ra; và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền hay kiểm soát của họ không làm tổn hại đến môi trường của các quốc gia khác hoặc các khu vực không thuộc thẩm quyền quốc gia.

Việt Nam ký kết tham gia Công ước này vào ngày 28 tháng 5 năm 1993, được phê chuẩn vào ngày 16 tháng 11 năm 1994 và trở thành thành viên chính thức của Công ước vào ngày 14 tháng 2 năm 1995. Theo đó, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn Công ước. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là bộ Nông nghiệp và môi trường) chịu trách nhiệm làm Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước này.

#### **1.2.2. Các văn bản quy phạm pháp luật tại Việt Nam liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã**

Là một trong những thành viên tích cực của các công ước quốc tế về bảo vệ ĐVHD, Việt Nam đã và đang dần hoàn thiện các quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD. Các văn bản quy phạm pháp luật này điều chỉnh mọi hoạt động liên quan đến bảo vệ ĐVHD: điều kiện khai thác, vận chuyển ĐVHD, đăng ký nuôi nhốt, tạm nhập tái xuất với ĐVHD; Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD từ trách nhiệm hình sự đến xử lý vi phạm hành chính; Xử lý tang vật khi thu giữ là các loài ĐVHD.

### ***a. Bộ luật hình sự***

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/06/2017) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Bộ luật Hình sự năm 2015 gồm có 3 Phần, 26 chương, 426 điều; trong đó có một số điều quy định về lĩnh vực ĐVHD. Bộ luật này quy định về tội phạm và hình phạt trong đó có 3 điều luật liên quan trực tiếp đến ĐVHD là Điều 234. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã; Điều 242. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản và Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Theo quy định tại Bộ luật này, các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD có thể bị phạt tù lên đến 15 năm hoặc 5 tỷ đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 15 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân.

Đáng lưu ý, Bộ luật Hình sự lần đầu tiên xử lý hình sự những vi phạm đối với động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES trị giá từ 150 triệu đồng hoặc ĐVHD khác trị giá từ 300 triệu đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng.

### ***b. Bộ Luật tố tụng hình sự***

Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 27/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục:

- Tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số thủ tục thi hành án hình sự;
- Nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

Điều d khoản 3 điều 106 quy định: “*Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.*”

### ***c. Luật Lâm nghiệp***

Luật Lâm nghiệp (Luật số 16/2017/QH14) được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Luật gồm 12 Chương, 108 Điều quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản. Luật Lâm nghiệp đã thể chế hóa được các chủ trương lớn của Đảng (*Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*).

Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản. Liên quan đến ĐVHD, một số vấn đề được quy định khái quát tại Luật này bao gồm:

- Gây nuôi phát triển động vật rừng;
- Chế biến mẫu vật các loài động vật rừng;
- Quản lý thương mại lâm sản và kinh doanh mẫu vật các loài động vật rừng.

Một số hành vi đáng lưu ý trong các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp quy định tại Điều 9 Luật này bao gồm:

- Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật;
- Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

### ***d. Luật Thủy sản***

Ngày 21/11/2017, Quốc hội đã thông qua Luật số 18/2017/QH14 quy định về

hoạt động thủy sản; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản; quản lý nhà nước về thủy sản. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2019.

Liên quan đến các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, Luật này có các quy định đáng lưu ý về:

- Việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

- Hành vi khai thác trái phép loài thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

- Việc chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

- Điều 99 Luật này cũng nhấn mạnh: Mẫu vật các loài thủy sản thuộc Phụ lục của CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được chế biến phải bảo đảm nguồn gốc hợp pháp.

#### ***e. Luật Thú y***

Luật Thú y được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016. Luật này quy định về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y.

Một số hành vi bị nghiêm cấm đáng lưu ý được quy định tại Điều 13 Luật này bao gồm:

- Khai báo, lập danh sách, xác nhận không đúng số lượng, khối lượng động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật nhiễm bệnh phải tiêu hủy;

- Nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc diện cấm nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 16, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y định kỳ hoặc đột xuất giám sát các bệnh truyền nhiễm có thể lây giữa động vật hoang dã và động vật nuôi tại cơ sở nuôi động vật hoang dã, vườn thú, vườn chim, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên.

#### ***f. Luật đầu tư***

Được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài.

Trong số các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh được liệt kê tại Điều 6, có hoạt động kinh doanh mẫu vật các loại thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục I CITES; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên quy định tại Phụ lục III của Luật này.

Phụ lục III của Luật này về Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm bao gồm Nhóm I của các danh mục: loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (trong đó có 93 loài động vật rừng); loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (có 126 loài).

#### ***g. Luật Quảng cáo***

Luật số 16/2012/QH13 của Quốc hội về Quảng cáo (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 có hiệu lực từ 01/01/2019) quy định về hoạt động quảng cáo; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo; quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

Theo Điều 7 Luật này, mẫu vật các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm là đối tượng bị nghiêm cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư và do đó là sản phẩm, hàng hóa cấm quảng cáo.

#### ***h. Luật đa dạng sinh học***

Luật số 20/2008/QH12 của Quốc hội về Đa dạng sinh học (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 có hiệu lực ngày 01/01/2019) quy

định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học đáng lưu ý quy định tại Điều 7 Luật này bao gồm:

- Săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; quảng cáo, tiếp thị, tiêu thụ trái phép sản phẩm có nguồn gốc từ loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

- Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo trái phép loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Theo Điều 45, đối với việc nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Luật này chỉ điều chỉnh hoạt động nuôi, trồng tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái.

### **i. Luật xử lý vi phạm hành chính**

Luật số 15/2012/QH13 của Quốc hội về xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/6/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính, trong đó:

Mức xử phạt hành chính đối với vi phạm liên quan đến động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Điều 24 là đến 1.000.000.000 đồng (đối với cá nhân) và đến 2.000.000.000 đồng (đối với tổ chức).

Các hình thức xử phạt có thể được áp dụng:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định. ***k. Các văn bản dưới luật liên quan đến quản lý, bảo vệ động vật hoang dã***

Theo nghiên cứu của tác giả khóa luận, có rất nhiều các văn bản dưới luật liên quan đến quản lý, bảo vệ ĐVHD. Trong khuôn khổ nghiên cứu của khóa luận, các giả liệt kê một số thông tư, nghị định, nghị quyết có liên quan đến ĐVHD còn hiệu lực, cụ thể:

**Bảng 1. 1. Các văn bản dưới luật liên quan đến quản lý, bảo vệ động vật hoang dã**

| STT | Tên văn bản                                                                                                                                                                                                                                                          | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| 1   | Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản                                                                                                                                                           | 08/03/2019    | 25/04/2019       |
| 2   | Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp                                                                          | 22/01/2019    | 10/03/2019       |
| 3   | Nghị định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp | 22/09/2021    | 30/11/2021       |
| 4   | Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của                                         | 12/11/2013    | 01/01/2014       |

| <b>STT</b> | <b>Tên văn bản</b>                                                                                                                                                                                                                                                           | <b>Ngày ban hành</b> | <b>Ngày có hiệu lực</b> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
|            | Chính phủ có hiệu lực từ 05/09/2019)                                                                                                                                                                                                                                         |                      |                         |
| 5          | hông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản                                                                                                                                                    | 16/11/2018           | 01/01/2019              |
| 6          | Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | 22/09/2016           | 08/11/2016              |
| 7          | Nghị định 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng                                                                                           | 26/08/2020           | 15/10/2020              |
| 8          | Nghị định 42/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản                                                                                                                                                                                       | 16/05/2019           | 05/07/2019              |
| 9          | Nghị định 35/2019/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp                                                                                                                                                                                | 25/04/2019           | 10/06/2019              |
| 10         | Nghị định 30/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự                                                                                                  | 07/03/2018           | 01/05/2018              |
| 11         | Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường                                                                                                                                                            | 18/11/2016           | 01/02/2017              |

| STT | Tên văn bản                                                                                                                                                                                                                                            | Ngày ban hành | Ngày có hiệu lực |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| 12  | Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân                                                                               | 05/3/2018     | 05/03/2018       |
| 13  | Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS        | 05/11/2018    | 01/12/2018       |
| 14  | Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp nhà nước                                                           | 31/12/2019    | 20/02/2020       |
| 15  | Thông tư số 57/2018/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân | 05/7/2018     | 20/08/2018       |

### **1.3. Quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã**

#### **1.3.1. Những nội dung cơ bản về pháp luật bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam**

##### ***1.3.1.1. Các quy định về quản lý bảo vệ động vật hoang dã***

Dựa trên kết quả nghiên cứu khóa luận, tác giả đưa ra những quy định về quản lý ĐVHD bao gồm: Quy định về phân vùng thẩm quyền; Các nguyên tắc trong việc

quản lý, xử lý săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, vận chuyển,... các loài ĐVHD; Quản lý danh mục ĐVHD.

*Thứ nhất, về phân vùng thẩm quyền:* Trước ngày 03/01/2025, thẩm quyền quản lý bảo vệ ĐVHD được giao cho 2 bộ: Tài nguyên và môi trường và Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trực tiếp quản lý. Sau ngày 03/01/2025, theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội về hợp nhất 2 bộ này thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chức năng về phân vùng thẩm quyền quản lý, bảo vệ ĐVHD được giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trực tiếp quản lý.

*Thứ hai, về các nguyên tắc trong việc quản lý, xử lý săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, vận chuyển, nuôi nhốt các loài ĐVHD:* Tất cả các hoạt động trong việc quản lý, xử lý săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, vận chuyển,... các loài ĐVHD phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phải đăng ký với các cơ quan chức năng có thẩm quyền ở trung ương và địa phương theo dõi, quản lý. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, săn bắt, buôn bán, nuôi nhốt, vận chuyển ĐVHD trái pháp luật đều phải xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Những loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm nếu được pháp khai thác, ngay nuôi phải đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của luật hiện hành.

*Thứ ba, về danh mục ĐVHD:* Pháp luật Việt Nam hiện nay đã ban hành danh mục những loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, cập nhật bổ sung thường xuyên. Danh mục được ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Danh mục các loài thủy sinh nguy cấp, quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản. Danh mục ĐVR thông thường ban hành kèm theo thông tư số: 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/09/2012 quy định về Quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường. Thực tế hiện nay, vẫn còn một số loài ĐVHD mới ghi nhận chưa được liệt kê vào danh mục, điều này gây khó khăn trong việc quản lý và bảo vệ các loài mới này.

### ***1.3.1.2. Quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã***

Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, các chế tài xử lý vi phạm về ĐVHD được chia thành 02 loại như sau:

- Xử lý vi phạm hành chính;
- Xử lý hình sự.

*Đối với chế tài xử lý vi phạm hành chính:* Được áp dụng đa dạng với các loại chủ thể khác nhau khi có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được pháp luật ưu tiên bảo vệ hoặc ĐVHD thông thường nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự. Mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ ĐVHD được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành xử lý vi phạm hành chính (bảng 1.1) . Mục tiêu là: “Không hình sự hóa những vụ việc dân sự”, việc ban hành chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ ĐVHD thể hiện sự nhân văn của pháp luật Việt Nam.

*Đối với chế tài xử lý hình sự:* Được áp dụng khi chế tài xử lý vi phạm hành chính không còn sự răn đe đối với các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý hiếm. Bộ luật hình sự quy định rõ về các hành vi có thể bị xử lý hình sự, các chế tài xử phạt cụ thể. Theo quy định tại Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD có thể bị phạt tù lên đến 15 năm hoặc 5 tỷ đồng đối với cá nhân và phạt tiền đến 15 tỷ đồng, đình chỉ hoạt động từ 6 tháng đến 3 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân.

### **1.3.2. Thẩm quyền của các cơ quan chức năng liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam**

Thẩm quyền của các cơ quan chức năng liên quan đến bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) tại Việt Nam được quy định trong nhiều văn bản pháp luật, bao gồm: Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Đa dạng sinh học 2008 (sửa đổi, bổ sung), Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), cùng các nghị định và thông tư hướng dẫn.

### ***1.3.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước***

#### ***a. Bộ Nông nghiệp và môi trường***

Bộ Nông nghiệp và môi trường có chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý các loài động vật hoang dã thuộc nhóm thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Ban hành danh mục, hướng dẫn quản lý, bảo tồn và khai thác tài nguyên rừng, bao gồm ĐVHD.
- Chỉ đạo hệ thống kiểm lâm thực hiện công tác bảo vệ ĐVHD.
- Quản lý đa dạng sinh học, trong đó có động vật hoang dã thuộc nhóm động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc Công ước CITES.
- Ban hành danh mục loài nguy cấp cần bảo vệ, kiểm soát hoạt động buôn bán, trao đổi, vận chuyển ĐVHD theo các điều ước quốc tế.

#### ***b. Bộ Công an***

Bộ Công an có nhiệm vụ điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến săn bắt, mua bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã. Chỉ đạo Cảnh sát môi trường kiểm tra, xử lý tội phạm về động vật hoang dã.

#### ***c. Bộ Quốc phòng***

Kiểm soát các khu vực biên giới nhằm ngăn chặn buôn lậu động vật hoang dã.

#### ***d. Bộ Công Thương***

Quản lý việc xuất nhập khẩu ĐVHD, đảm bảo tuân thủ Công ước CITES.

### ***1.3.2.2. Cơ quan thực thi pháp luật***

#### ***a. Lực lượng Kiểm lâm***

Là cơ quan thuộc bộ Nông nghiệp và môi trường, có nhiệm vụ:

- Kiểm tra, phát hiện, xử lý các vi phạm về săn bắt, nuôi nhốt, buôn bán, vận chuyển động vật rừng trái phép.
- Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.

#### ***b. Cục Cảnh sát môi trường***

Điều tra, xử lý tội phạm về môi trường, trong đó có tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

### **c. Lực lượng Hải quan**

Kiểm tra, phát hiện và xử lý các vụ buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã qua biên giới.

### **d. Lực lượng Biên phòng, Cảnh sát biển**

Kiểm soát, ngăn chặn buôn lậu động vật hoang dã tại khu vực biên giới, vùng biển.

#### **1.3.2.3. Cơ quan tư pháp**

##### **a. Viện kiểm sát nhân dân**

Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, truy tố các vụ án liên quan đến động vật hoang dã.

##### **b. Tòa án nhân dân**

Xét xử các vụ án hình sự liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về động vật hoang dã.

Nhìn chung, việc bảo vệ ĐVHD là trách nhiệm của nhiều cơ quan, từ quản lý nhà nước, thực thi pháp luật đến tư pháp, nhằm đảm bảo thực thi pháp luật và bảo vệ hệ sinh thái nói chung và ĐVHD nói riêng.

### **1.3.3. Những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam**

Qua nghiên cứu của tác giả, nhận thấy những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật bảo ĐVDH tại Việt Nam có một số tồn tại, khó khăn sau:

- Các văn bản quy phạm pháp luật đang thiếu sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật.

- Danh mục các loài cần bảo vệ chưa rõ ràng, một số loài động vật có sự thay đổi về phân loại nhưng chưa được cập nhật kịp thời trong các danh mục quản lý, gây khó khăn cho công tác xử lý vi phạm.

- Mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe. Một số quy định về xử lý hình sự chưa rõ ràng, đặc biệt trong xác định giá trị loài để làm căn cứ xử lý.

- Công tác thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế do thiếu trang thiết bị. Các đối tượng vi phạm pháp luật sử dụng công nghệ cao để buôn bán, vận chuyển ĐVHD, gây khó khăn trong công tác phát hiện và xử lý vi phạm.

- Các công tác phối hợp liên ngành và bảo tồn, cứu hộ các loài ĐVHD còn gặp nhiều trở ngại.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1:

Hiện nay vẫn chưa có khái niệm chính thức về Động vật hoang dã, vì vậy rất khó để đưa ra một khái niệm chính xác về ĐVHD. Có thể hiểu rằng ĐVHD là những loài động vật sinh sống và phát triển trong môi trường tự nhiên, đặc biệt là trong các hệ sinh thái rừng, nơi chúng duy trì quần thể và vòng đời của mình mà không có sự can thiệp trực tiếp của con người.

ĐVHD đóng một vai trò quan trọng và mang lại giá trị to lớn trong hệ sinh thái: cân bằng hệ sinh thái bền vững, duy trì ổn định môi trường hoang dã,.. ĐVHD là thành phần quan trọng trong quá trình chọn lọc tự nhiên, là mắt xích quan trọng không thể thiếu tạo liên liên kết các chuỗi thức ăn. Bên cạnh đó, nhiều loài ĐVHD mang nhiều loài gen quý hiếm mà nhiều loài khác không có, tạo ra nhiều loài đặc hữu được xem như là biểu tượng của quốc gia hay vùng lãnh thổ.

Việt Nam tham gia: Công ước CITES, công ước CBD và ban hành các văn bản luật, văn bản dưới luật trong lĩnh vực bảo vệ ĐVHD, bao gồm 08 luật và bộ luật liên quan đến bảo vệ ĐVHD và 15 thông tư, nghị định, nghị quyết có hiệu lực áp dụng. Trên cơ sở pháp lý hiện hành hiện nay ở Việt Nam có 2 loại quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã, gồm: Xử lý vi phạm hành chính và xử lý hình sự. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực bảo vệ ĐVHD bao gồm: Bộ Nông nghiệp và môi trường, bộ Công an, bộ Quốc phòng, bộ Công thương. Các cơ quan thực thi pháp luật gồm có: Lực lượng Kiểm lâm, Cục Cảnh sát môi trường, lực lượng Hải quan, biên phòng, Cảnh sát biển và các cơ quan tư pháp: Tòa án, viện kiểm sát.

Qua nghiên cứu, nhận thấy trong thực tiễn áp dụng pháp luật bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc: Các văn bản quy phạm pháp luật đang thiếu sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật; Danh mục các loài cần bảo vệ chưa rõ ràng; Mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe; Công tác thực thi pháp luật còn nhiều hạn chế do thiếu trang thiết bị; Các công tác phối hợp liên ngành và bảo tồn, cứu hộ các loài ĐVHD còn gặp nhiều trở ngại

## **CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI MỘT SỐ VƯỜN QUỐC GIA VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Khái quát về hệ thống Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam**

Việt Nam là một trong những quốc gia có đa dạng sinh học cao, với nhiều hệ sinh thái rừng, biển, đầm lầy và núi đá vôi phong phú. Để bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm và duy trì cân bằng sinh thái, Việt Nam đã xây dựng một hệ thống vườn quốc gia (VQG) và khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) trên cả nước.

#### **2.1.1. Khái quát về hệ thống Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.**

##### ***2.1.1.1. Khái quát về hệ thống Vườn Quốc gia tại Việt Nam***

Vườn quốc gia là khu vực bảo tồn thiên nhiên có giá trị đặc biệt về khoa học, sinh thái và cảnh quan, do Nhà nước quản lý, nhằm bảo vệ môi trường và phục vụ nghiên cứu, giáo dục, du lịch sinh thái.

Việt Nam là một quốc gia với hệ sinh thái đa dạng, nổi bật qua các vườn quốc gia phong phú trải dài trên cả nước. Các vườn quốc gia như Cúc Phương, Bạch Mã, và Phong Nha - Kẻ Bàng không chỉ là nơi bảo tồn động thực vật quý hiếm mà còn chứa đựng giá trị văn hóa và lịch sử đặc biệt. Ngoài vai trò bảo tồn, các vườn quốc gia còn góp phần phát triển du lịch bền vững, mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương. Việc duy trì và phát triển các vườn quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và giảm tác động của biến đổi khí hậu. Những khu bảo tồn này thực sự là kho báu tự nhiên quý giá của Việt Nam.



**Hình 2. 1. Bản đồ phân bố Hệ thống Vườn Quốc gia tại Việt Nam**

*Nguồn: <https://vi.wikipedia.org/>*

Hiện nay Việt Nam có 34 VQG, được phân bố theo chiều dài của đất nước, mỗi VQG đều có đặc trưng riêng. Cúc Phương là vườn quốc gia đầu tiên được thành lập vào năm 1966 thuộc địa bàn 3 tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Hòa Bình. Trong khi đó, vườn quốc gia mới nhất được thành lập là Sông Thanh được thành lập vào ngày

18 tháng 12 năm 2020 nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Phong Nha - Kẻ Bàng là vườn quốc gia có diện tích lớn nhất, trong khi những cánh rừng ngập mặn tại Vườn quốc gia Xuân Thủy là vườn quốc gia có diện tích nhỏ nhất [25].

- **Trung du và miền núi phía Bắc** có các Vườn Quốc gia: Ba Bể, Phia Oắc – Phia Đén, Tam Đảo, Xuân Sơn, Hoàng Liên, Du Già.

- **Đồng bằng Bắc Bộ** có các Vườn Quốc gia: Cát Bà, Xuân Thủy, Ba Vì, Cúc Phương.

- **Bắc Trung Bộ** có các Vườn Quốc gia: Bến En, Xuân Liên, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha – Kẻ Bàng, Bạch Mã.

- **Nam Trung Bộ** có các Vườn Quốc gia: Sông Thanh, Núi Chúa, Phước Bình.

- **Tây Nguyên** có các Vườn Quốc gia: Chư Mom Ray, Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Chư Yang Sin, Bidoup Núi Bà, Tà Đùng.

- **Đông Nam Bộ** có các Vườn Quốc gia: Cát Tiên, Bù Gia Mập, Lò Gò – Xa Mát, Côn Đảo.

- **Tây Nam Bộ** có các Vườn Quốc gia: Tràm Chim, Mũi Cà Mau, U Minh Hạ, U Minh Thượng, Phú Quốc.

Vườn quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn động vật hoang dã, là nơi duy trì và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên. Đây là môi trường sống an toàn cho nhiều loài động vật quý hiếm, giúp ngăn chặn nguy cơ tuyệt chủng và bảo tồn đa dạng sinh học. Các khu bảo tồn này cũng tạo điều kiện nghiên cứu khoa học, giúp con người hiểu rõ hơn về đặc điểm và nhu cầu của các loài. Đồng thời, vườn quốc gia nâng cao ý thức cộng đồng về giá trị của động vật hoang dã và tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Nhờ những nỗ lực này, vườn quốc gia không chỉ là "lá phổi xanh" của trái đất mà còn là nhân tố quan trọng trong việc gìn giữ sự cân bằng tự nhiên cho thế hệ tương lai.

#### ***2.1.1.2. Khát quá về hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam***

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) là khu vực được Nhà nước bảo vệ nhằm duy trì hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ các loài động vật, thực vật quý hiếm và đa dạng

sinh học. KBTTN có thể bao gồm rừng nguyên sinh, vùng ngập nước, rạn san hô, hoặc hệ sinh thái đặc thù khác.



**Hình 2. 2. Hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam**

*Nguồn: <https://nbca.gov.vn/>*

Nhằm bảo vệ đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam đã được thành lập. Nhiều trong số đó đã được chuyển thành vườn quốc gia. Hiện nay, Việt Nam có 56 khu bảo tồn thiên nhiên bảo vệ và duy trì tính đa dạng sinh học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, kết hợp với việc bảo vệ các tài nguyên văn hoá và được quản lý bằng pháp luật hoặc các phương thức hữu hiệu khác, bao gồm:

- **Trung du và miền núi phía Bắc:** Đồng Sơn-Kỳ Thượng, Tây Yên Tử, Hữu Liên, Kim Hỷ, Thần Sa-Phượng Hoàng, Chạm Chu, Na Hang, Bắc Mê, Bát Đại Sơn, Phong Quang, Tây Côn Lĩnh, Văn Bàn, Mường Tè, Mường Nhé, Cópia, Sốp Cộp, Mường La, Tà Xùa, Xuân Nha, Nà Hẩu, Hang Kia-Pà Cò, Ngọc Sơn-Ngô Luông, Phu Canh, Thượng Tiến.

- **Đồng bằng Bắc Bộ:** Tiên Hải, Vân Long.

- **Bắc Trung Bộ:** Pù Hu, Pù Luông, Xuân Liên, Pù Hoạt, Pù Huông, Kẻ Gỗ, Bắc Hương Hóa, Đakrông, Phong Điền.

- **Nam Trung Bộ:** Sơn Trà, Bà Nà-Núi Chúa, Ngọc Linh, An Toàn, Hòn Bà, Hòn Mun, Rạn Trào, Krông Trai, Núi Ông, Tà Kóu

- **Tây Nguyên:** Ngọc Linh, Kon Chư Răng, Ea Sô, Nam Kar, Nam Nung.

- **Đông Nam Bộ:** Bình Châu-Phước Bửu, Vĩnh Cửu.

- **Tây Nam Bộ:** Láng Sen, Thạnh Phú, Ấp Canh Điền, Hòn Chông.

Tổng diện tích các KBTTN chiếm khoảng 6% diện tích tự nhiên của cả nước. Các KBTTN được phân bố rộng khắp từ Bắc vào Nam, đặc biệt nhiều ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ.

#### ***2.1.1.3. Vai trò của Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên trong bảo tồn đa dạng sinh học tại Việt Nam***

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao trên thế giới, nhưng cũng đang phải đối mặt với nguy cơ suy giảm sinh thái nghiêm trọng do khai thác tài nguyên quá mức, mất rừng, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Trong bối cảnh đó, VQG và KBTTN đóng vai trò trung tâm trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, duy trì nguồn gen quý hiếm và phát triển bền vững.

##### ***a. Bảo vệ hệ sinh thái và các loài sinh vật***

- VQG và KBTTN là nơi bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng như rừng mưa nhiệt đới, rừng ngập mặn, rạn san hô, thảo nguyên và đầm lầy.

- Đây là nơi cư trú của nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm, trong đó có nhiều loài đặc hữu hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng như hổ, voọc chà vá chân xám, sao la, rùa hồ Gươm.

#### ***b. Duy trì nguồn gen và bảo tồn loài nguy cấp***

- Các khu bảo tồn là "ngân hàng gen" tự nhiên, giúp duy trì và bảo tồn nguồn gen của các loài sinh vật hoang dã.

- Nhiều VQG và KBTTN thực hiện chương trình nhân giống, phục hồi các loài nguy cấp, sau đó thả về môi trường tự nhiên.

#### ***c. Điều hòa khí hậu và bảo vệ môi trường***

- Các khu rừng trong VQG và KBTTN giúp hấp thụ CO<sub>2</sub>, giảm tác động của biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ rừng đầu nguồn giúp điều hòa nguồn nước, giảm lũ lụt, hạn hán và xói mòn đất.

#### ***d. Phát triển du lịch sinh thái và giáo dục môi trường***

- Nhiều VQG như Cúc Phương, Bạch Mã, Phong Nha - Kẻ Bàng thu hút khách du lịch sinh thái, góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên.

- Các chương trình giáo dục môi trường giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về giá trị của đa dạng sinh học và tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên.

#### ***e. Hỗ trợ nghiên cứu khoa học***

- Là nơi nghiên cứu về sinh thái, tiến hóa, dược liệu và các giải pháp bảo tồn bền vững.

- Cung cấp dữ liệu thực địa quan trọng để phục vụ công tác bảo tồn và phát triển bền vững.

#### ***f. Thúc đẩy sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương***

Nhiều khu bảo tồn kết hợp bảo tồn với phát triển kinh tế bền vững, giúp người dân hưởng lợi từ các mô hình du lịch sinh thái, trồng rừng và khai thác tài nguyên một cách bền vững.

Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên không chỉ đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ đa dạng sinh học mà còn góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Việc duy trì và mở rộng các khu bảo tồn này là điều cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

### **2.1.2. Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên có tầm quan trọng cao trong bảo vệ động vật hoang dã**

#### ***2.1.2.1. Vườn Quốc gia Cúc Phương***

Vườn Quốc gia Cúc Phương, được thành lập năm 1962, là vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam và đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn động vật hoang dã. Với hệ sinh thái rừng nhiệt đới đa dạng, nơi đây là mái nhà của nhiều loài động vật quý hiếm, đồng thời duy trì sự cân bằng sinh thái. Ngoài công tác bảo vệ rừng, Cúc Phương còn có các trung tâm cứu hộ giúp phục hồi động vật gặp nguy hiểm. Hơn thế nữa, vườn quốc gia này còn là trung tâm nghiên cứu sinh học và giáo dục môi trường, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn thiên nhiên.

#### ***2.1.2.2. Vườn Quốc gia Bạch Mã***

Vườn Quốc gia Bạch Mã, thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế, là một khu bảo tồn thiên nhiên quan trọng với hệ sinh thái đa dạng trải dài từ đồng bằng đến núi cao. Nơi đây là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm như Sao La, Voọc Chà vá chân nâu, Hươu sao và Trĩ sao. Bạch Mã không chỉ đóng vai trò bảo tồn mà còn là trung tâm nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ thiên nhiên và duy trì cân bằng sinh thái.

#### ***2.1.2.3. Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát***

Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát, nằm ở tỉnh Tây Ninh, là một khu bảo tồn quan trọng của vùng Đông Nam Bộ, giáp Campuchia. Sở hữu hệ sinh thái đa dạng với rừng khộp đặc trưng, nơi đây là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm như cu li nhỏ, mèo rừng và công đất. Ngoài vai trò bảo tồn, Lò Gò – Xa Mát còn kết nối sinh cảnh xuyên biên giới, tạo hành lang sinh học giúp bảo vệ nguồn gen và đối phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời, vườn quốc gia này cũng tổ chức nhiều

chương trình giáo dục môi trường, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ thiên nhiên.

#### **2.1.2.4. Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống**

Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, nằm ở phía Tây tỉnh Nghệ An, là một trong những khu rừng đặc dụng lớn của Việt Nam với hệ sinh thái nhiệt đới nguyên sinh đa dạng. Đây là nơi cư trú của hơn 560 loài động vật, bao gồm nhiều loài quý hiếm như Khỉ mặt đỏ, Voọc và Cây hương. Bên cạnh công tác bảo tồn, Pù Huống còn triển khai chương trình tái thả động vật về rừng, góp phần khôi phục quần thể loài. Với vai trò quan trọng trong bảo vệ động vật hoang dã và đa dạng sinh học, khu bảo tồn này là biểu tượng của sự chung tay giữa thiên nhiên và con người.

#### **2.1.2.5. Vườn Quốc gia Bù Gia Mập**

Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, nằm ở phía Bắc tỉnh Bình Phước, giáp Campuchia, là một khu bảo tồn có giá trị sinh thái đặc biệt tại miền Đông Nam Bộ. Với hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa đa dạng, nơi đây là môi trường sống của nhiều loài động vật quý hiếm như voọc chà vá chân đen, cu li nhỏ và gấu ngựa. Bù Gia Mập còn phối hợp với các tổ chức bảo tồn để cứu hộ, tái thả và giám sát động vật hoang dã, đồng thời thực hiện các biện pháp ngăn chặn săn bắt trái phép. Ngoài việc bảo tồn, vườn quốc gia này còn đẩy mạnh giáo dục môi trường, giúp cộng đồng nâng cao nhận thức về bảo vệ thiên nhiên.

### **2.2. Tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam**

Bảo vệ ĐVHD là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm giữ gìn sự đa dạng sinh học và cân bằng hệ sinh thái tự nhiên. Tuy nhiên, tại nhiều Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam, tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD vẫn diễn ra phổ biến, phức tạp, với nhiều hình thức và đối tượng vi phạm khác nhau. Trong đó, có thể kể đến các điểm nóng như VQG Cúc Phương, Pù Mát, Bù Gia Mập, và các KBTNN Pù Huống, - Xa Mát.

### **2.2.1. Săn bắt, bẫy động vật trái phép**

Săn bắt, bẫy thú rừng là hành vi vi phạm phổ biến, diễn ra dưới nhiều hình thức như sử dụng súng tự chế, bẫy kẹp, bẫy dây thòng lọng, hoặc bẫy bằng mồi nhử. Tại VQG Pù Mát (Nghệ An), lực lượng kiểm lâm thường xuyên phát hiện các vụ săn bắt thú quý mô lớn, nhất là ở những khu vực sâu trong rừng. Chỉ riêng trong năm 2023, tại đây đã thu giữ hàng trăm bẫy thú và giải cứu nhiều cá thể động vật quý hiếm như khỉ mặt đỏ, tê tê Java.

Tại KBTNN Pù Huông, tình trạng bẫy thú vào ban đêm bằng đèn pin và bẫy thòng lọng được ghi nhận thường xuyên, gây nguy hiểm cho nhiều loài như cây hương, rái cá, hay thậm chí cả cu li nhỏ – một loài linh trưởng quý hiếm. Việc đặt bẫy tràn lan không những đe dọa đến số lượng cá thể trong tự nhiên mà còn làm gián đoạn quá trình sinh sản và phục hồi của các loài có nguy cơ tuyệt chủng.

### **2.2.2. Buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm từ động vật hoang dã**

Ngoài săn bắt, hoạt động buôn bán và vận chuyển động vật hoang dã và sản phẩm từ chúng cũng là một vấn đề đáng lo ngại. Tại khu vực giáp ranh của VQG Bù Gia Mập (Bình Phước), lực lượng chức năng đã bắt giữ nhiều vụ vận chuyển trái phép rùa, tê tê, rắn và các bộ phận như sừng, da của các loài quý hiếm, chủ yếu để tiêu thụ trong nước hoặc tuồn qua biên giới sang Campuchia.

Tại VQG Cúc Phương, dù được bảo vệ tương đối nghiêm ngặt, nhưng các tuyến đường ra vào khu vực vẫn tiềm ẩn nguy cơ vận chuyển ĐVHD trái phép. Một số cá thể khỉ và rắn đã bị phát hiện trên xe của khách du lịch hoặc người dân địa phương. Không ít trường hợp buôn bán còn núp bóng dưới dạng “*quà lưu niệm*” hoặc “*thực phẩm đặc sản*”.

Đáng chú ý, KBTNN – Xa Mát (Kon Tum – Tây Ninh), với đặc thù địa hình giáp biên giới, trở thành điểm trung chuyển quan trọng trong đường dây buôn bán ĐVHD xuyên quốc gia. Các loài như khỉ, tê tê, rùa hộp, rắn đất... thường bị vận chuyển lén lút sang Lào và Campuchia để phục vụ nhu cầu làm cảnh, y học cổ truyền, hay ẩm thực đặc sản.

### **2.2.3. Vi phạm của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài khu bảo tồn**

Không chỉ cá nhân mà nhiều tổ chức, doanh nghiệp cũng có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Một số doanh nghiệp khai thác du lịch sinh thái tại vùng đệm các VQG như Cúc Phương hay Bù Gia Mập đã từng bị phát hiện nuôi nhốt động vật không rõ nguồn gốc, thậm chí tổ chức các hoạt động tương tác với động vật nguy hiểm (như chụp ảnh với trăn, khi) để thu hút khách mà không có sự giám sát của cơ quan chức năng.

Tại một số chợ dân sinh gần KBTNN Pù Huông và Pù Mát, người dân vẫn lén lút bày bán các sản phẩm từ ĐVHD như thịt thú rừng, mật gấu, cao hổ, hoặc các bộ phận như móng gấu, nanh heo rừng. Các hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn tiềm ẩn nguy cơ cao về dịch bệnh lây từ động vật sang người.

Ngoài ra, do thiếu nguồn lực và nhân sự, nhiều Ban Quản lý rừng và kiểm lâm địa phương vẫn chưa thể kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của người dân trong khu bảo tồn. Một số cán bộ địa phương còn có biểu hiện bao che hoặc thiếu kiên quyết trong xử lý vi phạm.

## **2.3. Thực tiễn xử lý vi phạm tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam**

### **2.3.1. Vụ án thuộc khu vực Vườn Quốc gia Cúc Phương**

#### ***Tóm tắt vụ án:***

*Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 05/6/2018, trong khi làm nhiệm vụ tuần tra tại 2 khu vực tổ 17, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình tổ công tác của Công an thành phố Tam Điệp và công an phường Tr phát hiện Lê Hữu H đang đứng bên lề đường, bên cạnh có hai thùng bìa carton nghi vấn có liên quan đến hàng cấm, tổ công tác đã đến yêu cầu kiểm tra, Lê Hữu H đã tự mở hai thùng bìa carton, bên trong có 04 cá thể động vật (H khai là mèo rừng, gồm mèo mẹ và 03 mèo con), có đặc điểm: lông mịn, xộp, nền vàng hung, phần dưới thân màu trắng, phần trên lưng và sườn có nhiều đốm nâu sẫm, có 4-5 dải nâu đen chạy từ cổ xuống hai bên*

sườn và đuôi, đứt quăng thành nhiều đốm, đầu có vạch sáng nằm giữa mắt đi kèm theo hai vạch đen, đuôi có nhiều đốm (trong đó có một cá thể mèo đã chết H khai nhận là cá thể mèo mẹ). Quá trình kiểm tra, bắt giữ Lê Hữu H đã khai nhận đang vận chuyển 04 cá thể mèo rừng từ tỉnh Thừa Thiên Huế ra thành phố T để bán. Cơ quan Công an thành phố Tam Điệp đã đưa Lê Hữu H cùng tang vật về trụ sở Công an phường Tr tiến hành lập biên bản sự việc, lập biên bản thu giữ vật chứng là 04 cá thể động vật theo đúng quy định.

Sau khi giám định Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã bàn giao 04 cá thể mèo rừng cho Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật vườn Quốc gia Cúc Phương để chăm sóc, cứu chữa.

Ngày 26/10/2018, bị cáo Lê Hữu H bị tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tuyên phạm tội: Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Lê Hữu H cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế là nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

#### **a. Về căn cứ pháp lý**

Vụ việc trên đã được thụ lý giải quyết bởi tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình vào ngày 26/10/2018, vụ án được xử lý theo chế tài hình sự nghiêm minh, khởi tố bị can và giải quyết đầy đủ các thủ tục tố tụng, nhằm răn đe và ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Cụ thể, vụ án được giải quyết trên cơ sở việc xác định rõ hành vi vi phạm của

bị can theo quy định của Bộ luật Hình sự, qua đó khẳng định rằng hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép các động vật được ưu tiên bảo vệ là hành vi phạm pháp nghiêm trọng, đòi hỏi phải có sự xử lý khẩn trương để bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quý báu của quốc gia. Theo bản án sơ thẩm, căn cứ pháp lý để nhận định tội danh của Lê Hữu H như sau:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 244; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

### ***b. Về hình thức xử lý vụ án***

Tòa án đã tuyên phạt 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Đây là hình phạt thuộc nhóm hình phạt chính theo Bộ luật Hình sự và được quy định cụ thể tại Điều 65 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Việc cho bị cáo hưởng án treo cho thấy:

- Tòa đánh giá bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (có thể là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt,...).

- Hành vi phạm tội tuy nghiêm trọng nhưng không đến mức cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

- Mục tiêu giáo dục, cải tạo có thể đạt được ngay tại cộng đồng, không cần thi hành án giam.

Tòa án áp dụng thời gian thử thách 30 tháng, đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 65 BLHS: “*Thời gian thử thách là từ 01 năm đến 05 năm nhưng phải gấp rưỡi đến gấp đôi thời gian phạt tù*”. Việc xác định thời gian này thể hiện sự nghiêm khắc và răn đe, dù bị cáo được hưởng án treo.

### ***c. Về khó khăn trong xử lý vụ án***

- ***Khó khăn trong việc xác định chính xác loài động vật vi phạm:*** Một trong những thách thức lớn khi xử lý các vụ án liên quan đến động vật hoang dã là xác định chính xác loài vi phạm, đặc biệt khi đối tượng không rõ ràng về chủng loài hoặc có hình thái tương đồng với các loài không được bảo vệ. Trong vụ án này, các cá thể

động vật được nghi là mèo rừng, thuộc danh mục động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, cần có giám định khoa học từ các tổ chức chuyên môn như Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật để làm căn cứ pháp lý xác đáng. Việc giám định đòi hỏi thời gian và đôi khi bị chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

- **Khó khăn trong xác minh mục đích và hành vi phạm tội:** Mặc dù Lê Hữu H đã khai nhận vận chuyển để bán, nhưng việc chứng minh mục đích thương mại hoặc lợi nhuận thường rất khó khăn nếu không có giao dịch thực tế hay tài liệu chứng cứ cụ thể (như tiền, tin nhắn thỏa thuận...). Trong vụ án này, nếu không có lời khai tự nguyện của bị cáo, việc truy cứu có thể vướng mắc do thiếu căn cứ chứng minh hành vi thương mại hóa động vật hoang dã.

- **Khó khăn trong áp dụng điều luật:** Việc áp dụng Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) đòi hỏi hành vi phải liên quan đến loài trong danh mục nghiêm cấm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Công ước CITES. Không ít trường hợp các cơ quan tố tụng còn lúng túng trong việc đối chiếu danh mục pháp lý với thực tiễn để xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi.

#### ***d. Bài học kinh nghiệm từ vụ án***

Từ bản án trên, tác giả nhận thấy một số bài học kinh nghiệm từ vụ án, cụ thể như sau:

- Cần tăng cường đào tạo chuyên môn pháp lý và sinh học cho các lực lượng điều tra viên, kiểm lâm, cán bộ tòa án để nhận diện, định danh và xử lý các vụ liên quan đến động vật hoang dã.

- Nên thiết lập quy trình phối hợp chặt chẽ hơn giữa cơ quan điều tra – đơn vị giám định – cơ quan xét xử để đảm bảo thông tin được chuyển giao kịp thời, đầy đủ.

- Tăng cường tuyên truyền pháp luật tại các địa phương, đặc biệt là vùng có nguy cơ cao về buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã.

### 2.3.2. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Bạch Mã

#### **Tóm tắt vụ việc:**

Vào khoảng 21h tối 17/8/2021, khi đi tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng tại tiểu khu 385 thuộc vùng Khe Lít, các cán bộ kiểm lâm Vườn quốc gia Bạch Mã phát hiện nhóm đối tượng có dấu hiệu khả nghi. Nhóm này có ý định bỏ chạy khi phát hiện lực lượng chức năng.

Sau đó, khi nhận được tin báo lực lượng kiểm lâm viên thuộc Trạm Kiểm lâm Hương Lộc (huyện Nam Đông) phối hợp với Công an huyện tiến hành truy đuổi và bắt giữ được nhóm 6 đối tượng gồm: Hồ Văn Công, Hồ Văn Bìm, Hồ Văn Tuấn, Nguyễn Văn Ban, Nguyễn Văn Hạp và Trần Đình Tý (đều trú huyện Nam Đông). Các đối tượng đều là họ hàng của nhau.

Qua kiểm tra, 6 đối tượng này có hành vi tàng trữ 1 khẩu súng săn và nhiều xác động vật hoang dã. Các đối tượng đã thừa nhận hành vi tàn sát động vật hoang dã thuộc Vườn quốc gia Bạch Mã. Lực lượng chức năng thu giữ tang vật gồm: 6 chiếc đầu linh trưởng, 3 thân linh trưởng đang phân hủy, 2 cá thể chồn bay và 1 cá thể cây hương; dao rựa, 1 khẩu súng săn tự chế với 9 viên đạn cùng một số tang vật liên quan.

#### **a. Về căn cứ pháp lý**

Theo nghiên cứu của tác giả, vụ án trên đã có hành vi vi phạm pháp luật trong bảo vệ ĐVHD. Các đối tượng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm theo quy định pháp luật và Phụ lục CITES, cụ thể:

- Điều 244, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- Điều 306: Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ: Khẩu súng săn tự chế và số đạn được thu giữ là vật chứng của hành vi phạm tội.

- Vi phạm điều 21, 22, 23 -Luật Lâm nghiệp năm 2017: Quy định về quản lý

rừng đặc dụng, nghiêm cấm săn bắt, giết hại động vật hoang dã trong khu vực vườn quốc gia.

- Vi phạm Nghị định 07/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lâm nghiệp.

### ***b. Về hình thức xử lý vụ việc***

Theo tác giả, tùy vào kết quả điều tra, giám định tang vật và tính chất hành vi phạm tội, các đối tượng có thể bị:

- Truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 244 Bộ luật Hình sự, với mức phạt từ 1 đến 5 năm tù, hoặc nặng hơn nếu thuộc các trường hợp tăng nặng (sử dụng vũ khí, phạm tội có tổ chức tại vườn quốc gia,...).

- Xử phạt hành chính nếu các loài động vật không nằm trong danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm – với mức phạt lên đến 400 triệu đồng theo Nghị định 07/2022/NĐ-CP.

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, bao gồm súng săn, dao rựa, tang vật động vật, phương tiện vận chuyển nếu có.

### ***c. Về khó khăn trong xử lý vụ việc***

- **Xác định loài và tình trạng bảo vệ của động vật:** Nhiều xác động vật đã phân hủy, gây khó khăn trong công tác giám định để xác định chúng thuộc loài được pháp luật bảo vệ đến mức nào.

- **Vũ khí tự chế:** Đánh giá mức độ nguy hiểm và căn cứ xác định có phải vũ khí theo quy định pháp luật cần sự phối hợp với các cơ quan chuyên môn.

- **Địa hình rừng núi hiểm trở, phức tạp:** Gây khó khăn cho công tác truy đuổi, bắt giữ, bảo vệ hiện trường, thu giữ tang vật.

- **Quan hệ thân tộc giữa các đối tượng:** Có khả năng che giấu hành vi, thống nhất lời khai, khó bóc tách trách nhiệm cá nhân trong tổ chức thực hiện hành vi phạm tội.

### ***d. Về bài học kinh nghiệm từ vụ việc***

Từ vụ việc trên, tác giả nhận thấy rằng:

- Cần tăng cường giám sát tại các vùng trọng điểm bảo vệ động vật hoang dã, đặc biệt là trong các vườn quốc gia, nơi thường xuyên xảy ra các vụ xâm phạm tài nguyên rừng.

- Đầu tư thêm trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho lực lượng kiểm lâm (máy ảnh tầm nhiệt, camera, thiết bị định vị, thiết bị liên lạc...).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật tại cộng đồng địa phương, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số để nâng cao ý thức bảo vệ động vật hoang dã.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng, từ kiểm lâm, công an, viện kiểm sát đến các cơ quan chuyên môn về sinh vật học, giám định pháp y môi trường.

- Cần hoàn thiện cơ sở dữ liệu về động vật quý hiếm và hướng dẫn cụ thể về giám định loài để phục vụ việc xử lý nhanh chóng, chính xác.

### **2.3.3. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát**

#### ***Tóm tắt vụ việc:***

*Hạt Kiểm lâm huyện Tân Biên, vào lúc 4 giờ ngày 25/2, Hạt Kiểm lâm huyện Tân Biên phối hợp với Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát tiến hành tuần tra kiểm soát tại khoảnh 10, tiểu khu 30. Tại đây, lực lượng kiểm lâm phát hiện Trần Văn Bình (57 tuổi, trú tại ấp Tân Nam, xã Tân Bình, huyện Tân Biên) có hành vi săn bắn động vật hoang dã trái phép.*

*Tang vật thu giữ gồm một khẩu súng tự chế cùng 3 cá thể động vật bị săn bắn gồm: 2 cá thể cheo cheo thuộc nhóm IIB (động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP) và 1 cá thể chim ó, cùng các tang vật liên quan khác.*

#### ***a. Về căn cứ pháp lý***

Qua nghiên cứu của tác giả, hành vi săn bắn động vật hoang dã trái phép của Trần Văn Bình đã vi phạm các quy định pháp luật sau:

- Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017): Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Nếu có đủ căn cứ chứng minh mục

đích săn bắt, tàng trữ, vận chuyển trái phép động vật nhóm IIB thì có thể truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ: Xác định cheo cheo là loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc nhóm IIB, cần được bảo vệ. Việc săn bắt loài này khi không được cơ quan chức năng cho phép là hành vi vi phạm pháp luật.

- Luật Lâm nghiệp 2017, đặc biệt là các điều khoản liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng tự nhiên, và động vật rừng.

### ***b. Về hình thức xử lý vụ việc***

Tùy vào mức độ hành vi, hậu quả, nhân thân và các tình tiết tăng nặng/giảm nhẹ, Trần Văn Bình có thể bị:

- Truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 244 BLHS nếu hành vi gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có tình tiết định khung (ví dụ: sử dụng vũ khí, săn loài thuộc danh mục cấm, tái phạm...).

- Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP và Nghị định 07/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, xử phạt hành chính nếu chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Mức phạt có thể lên đến 300 triệu đồng và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

### ***c. Về khó khăn trong xử lý vụ việc***

- Xác định chính xác loài vật bị săn bắn có thuộc nhóm được bảo vệ hay không, từ đó cần giám định từ chuyên gia hoặc cơ quan chuyên môn.

- Thiếu chứng cứ trực tiếp: Trong nhiều trường hợp, người vi phạm phi tang tang vật hoặc chối bỏ hành vi khi bị bắt quả tang.

- Địa hình phức tạp tại các khu bảo tồn rừng khiến công tác tuần tra, phát hiện vi phạm gặp nhiều khó khăn.

- Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan (kiểm lâm, công an, viện kiểm sát, tòa án) đôi lúc còn chưa nhịp nhàng, gây chậm trễ.

#### **d. Về bài học kinh nghiệm từ vụ việc**

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát ở các khu vực có nguy cơ cao về săn bắt trái phép.
- Đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật đến người dân vùng giáp ranh rừng – nâng cao nhận thức về bảo vệ động vật hoang dã.
- Nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng kiểm lâm và công an trong nhận diện, thu thập chứng cứ, bảo quản tang vật.
- Cần có chế tài nghiêm khắc để răn đe, đặc biệt là với những hành vi có tính chất tái phạm hoặc có tổ chức.

#### **2.3.4. Vụ án thuộc khu vực Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống**

##### ***Tóm tắt vụ án:***

*Ngày 03 tháng 11 năm 2020, Lê Hữu T đi đến Bệnh viện M ở xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An thì gặp một người phụ nữ tên T (Không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, sử dụng số điện thoại 0369.000.812). T thuê Lê Hữu T vận chuyển 02 con Tê tê vào Khu công nghiệp N, thuộc Xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An để giao cho một nam thanh niên (Không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, sử dụng số điện thoại 0923.641.633) với tiền công vận chuyển là 1.000.000 đồng. T đồng ý. Chiều ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại cổng Bệnh viện M, T bỏ 02 con Tê tê vào 02 thùng carton màu vàng đưa lên xe ô tô bán tải nhãn hiệu Toyota Hilux màu đen đỏ, Biển kiểm soát 37C-314.64 và đưa cho Lê Hữu T 1.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 04 tháng 11 năm 2020, khi T điều khiển xe ô tô bán tải 37C-314.64 đến Khu công nghiệp N thuộc xóm 11, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, chưa kịp giao cho người nhận thì bị Tổ công tác Công an huyện Nghi Lộc kiểm tra, phát hiện ở vị trí để chân hàng ghế sau xe ô tô 37C-314.64 có 01 thùng carton màu vàng, kích thước 10x16x25(cm), bên ngoài có dòng chữ: “Nước rửa chén bát Sunlight”, bên trong chứa 01 cá thể động vật có kích thước 80 cm tính từ phần lưng xuống đuôi, chiều dài đuôi khoảng 56cm, trên phần thân cá thể động vật có lớp vẩy màu xám đen (Nghi là Tê tê); 01 thùng carton màu vàng, kích thước 15x10x25(cm), bên*

ngoài có dòng chữ: “Sữa tắm dưỡng ẩm DOVE” bên trong chứa 01 cá thể động vật có kích thước 70 cm tính từ phần lưng xuống đuôi, chiều dài đuôi khoảng 50cm, trên phần thân cá thể động vật có lớp vảy màu xám đen (Nghị là Tê tê).

Ngày 05/02/2021, tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã tuyên bị cáo Lê Hữu T phạm tội: “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm a, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt Lê Hữu T 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05 tháng 02 năm 2021.

- Xử phạt bổ sung bằng tiền đối với Lê Hữu T: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Giao Lê Hữu T cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

#### **a. Về căn cứ pháp lý**

Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tiếp nhận và đưa ra xét xử vào ngày 05/02/2021, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật trong việc xử lý các hành vi xâm phạm đến động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm. Quá trình tố tụng được tiến hành đầy đủ từ khởi tố, truy tố đến xét xử, đảm bảo đúng trình tự quy định. Việc xử lý vụ án không chỉ nhằm trừng phạt cá nhân vi phạm mà còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung đối với các hành vi tương tự. Tòa án đã làm rõ hành vi vi phạm của bị cáo theo đúng các điều khoản trong Bộ luật Hình sự, khẳng định rằng hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép các loài động vật thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ là hành vi đặc biệt nghiêm trọng, cần thiết phải xử lý nghiêm để bảo vệ đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Căn cứ pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Hữu H như sau:

- Bị cáo Lê Hữu T bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm a, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

- Hình phạt áp dụng: Bị cáo bị tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm và phạt bổ sung 70.000.000 đồng.

### ***b. Về hình thức xử lý vụ án***

- **Án treo:** Tòa án cho bị cáo hưởng án treo do có thể xét đến các tình tiết giảm nhẹ như lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, hoặc có nhân thân tốt.

- **Phạt tiền bổ sung:** Mức phạt 70 triệu đồng nhằm răn đe và bù đắp thiệt hại đối với hành vi vi phạm.

- **Giám sát, giáo dục:** Bị cáo được giao cho Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

### ***c. Về khó khăn trong xử lý vụ án***

- **Xác định danh tính người thuê và người nhận:** Cả người thuê vận chuyển và người nhận hàng đều không rõ danh tính và địa chỉ cụ thể, gây khó khăn trong việc điều tra mở rộng và truy cứu trách nhiệm đối với các đối tượng liên quan.

- **Chứng minh mục đích thương mại:** Việc chứng minh hành vi vận chuyển nhằm mục đích thương mại có thể gặp khó khăn nếu không có bằng chứng rõ ràng về giao dịch mua bán.

- **Giá trị tang vật:** Việc định giá hai cá thể tê tê có thể ảnh hưởng đến việc xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi và mức hình phạt tương ứng.

### ***d. Về bài học kinh nghiệm từ vụ việc***

- **Tăng cường điều tra mở rộng:** Cần có các biện pháp nghiệp vụ để xác định và truy bắt các đối tượng liên quan trong chuỗi cung ứng động vật hoang dã trái phép.

- **Nâng cao nhận thức cộng đồng:** Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật để người dân hiểu rõ hậu quả của việc tham gia vào các hoạt động liên quan đến động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- **Áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn:** Xem xét áp dụng các hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng để tăng tính răn đe và bảo vệ hiệu quả các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm.

### 2.3.5. Vụ việc thuộc khu vực Vườn Quốc gia Bù Gia Mập

#### **Tóm tắt vụ việc:**

Vào khoảng 03 giờ 10 phút ngày 08/01/2025, Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Hạt Kiểm lâm VQG Bù Gia Mập phối hợp với Công an xã Bù Gia Mập tuần tra, truy quét bảo vệ rừng tại tiểu khu 13 thuộc lâm phần VQG Bù Gia Mập, phát hiện 01 người đàn ông đang đi trong rừng. Qua kiểm tra, làm việc tại hiện trường, tổ công tác xác định đối tượng vi phạm tên là Nguyễn Văn Hưng đang mang theo 01 khẩu súng, 07 viên đạn và 01 đèn pin đội đầu, tiếp tục kiểm tra trong cái ba lô do đối tượng Nguyễn Văn Hưng mang trên vai, tổ công tác phát hiện có 03 cá thể động vật nghi là loài Cheo Cheo (đã chết), 01 cá thể nghi là loài Tê Tê (còn sống) và 01 con dao nhọn.

Đối tượng bị bắt quả tang tên là Nguyễn Văn Hưng; sinh năm 1971; nơi ở tại: thôn Bù Khon, xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Qua quá trình làm việc, đối tượng Nguyễn Văn Hưng khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 07/01/2025, Hưng mang theo 01 cái ba lô, 01 cái đèn pin, 01 khẩu súng và 10 viên đạn đi vào rừng VQG Bù Gia Mập để săn bắn thú rừng. Trong quá trình đi săn bắn, đã bắn được 03 con Cheo Cheo và bắt được 01 con Tê Tê, đến khoảng 03 giờ 10 phút ngày 08/01/2025 thì bị tổ công tác bắt quả tang và tạm giữ toàn bộ tang vật để phục vụ điều tra, xác minh.

#### **a. Về căn cứ pháp lý**

Vụ việc có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo quy định tại:

- Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
- Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ quy định về quản lý loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES tại Việt Nam.
- Hành vi mang theo vũ khí tự chế (súng và đạn) còn có thể liên quan đến hành vi tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép (Điều 306 BLHS), tùy vào giám định của cơ

quan chức năng.

### ***b. Về hình thức xử lý vụ việc***

Theo quan điểm của tác giả, cần phải khởi tố hình sự đối với Nguyễn Văn Hưng, bởi vì:

- Bị bắt quả tang, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm.
- Có dụng cụ chuyên dụng săn bắn (súng, đạn, dao nhọn, đèn pin).
- Tang vật là 3 cá thể Cheo Cheo (loài nguy cấp, quý hiếm nhóm IIB) và 1 cá thể Tê Tê (thuộc Nhóm IB – nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì cực kỳ nguy cấp).

Nếu các cá thể động vật được giám định đúng chủng loài thuộc danh mục IB/IIB thì hình phạt đối với Nguyễn Văn Hưng có thể từ 6 tháng đến 5 năm tù, hoặc cao hơn nếu có tình tiết tăng nặng (Điều 244 BLHS).

Ngoài ra, người vi phạm còn có thể bị xử phạt bổ sung như: phạt tiền, tịch thu tang vật, cấm hành nghề hoặc cư trú tại khu vực rừng.

### ***c. Về khó khăn trong xử lý vụ việc***

- Giám định động vật cần thời gian và nguồn lực, đặc biệt với loài Tê Tê còn sống – cần bảo vệ, chăm sóc và giám định chủng loài chính xác.
- Vị trí vi phạm nằm sâu trong rừng, địa hình phức tạp, khó tiếp cận, gây khó khăn trong quá trình thu thập chứng cứ, áp tải đối tượng và tang vật.
- Đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật có thể còn hạn chế, dẫn đến việc khai báo vòng vo, không thành khẩn.
- Việc xử lý vũ khí tự chế phải qua giám định mức độ nguy hiểm, xác định có phải là “vũ khí” theo pháp luật hay không.
- Ngoài ra, đây là vụ việc xảy ra trong rừng đặc dụng (vườn quốc gia) nên cần phối hợp giữa nhiều cơ quan: kiểm lâm, công an, viện kiểm sát, tòa án và cơ quan quản lý bảo tồn.

#### ***d. Về bài học kinh nghiệm từ vụ việc***

- Tăng cường tuần tra hỗn hợp, nhất là vào các thời điểm nhạy cảm như ban đêm – thời gian các đối tượng thường hoạt động.
- Phối hợp liên ngành hiệu quả giữa Kiểm lâm – Công an – chính quyền xã là yếu tố quan trọng trong việc bắt giữ và xử lý kịp thời.
- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân sống gần vùng lõi rừng, nhất là các nhóm đồng bào dân tộc, để nâng cao ý thức bảo vệ động vật hoang dã.
- Trang bị công cụ hỗ trợ giám sát hiện đại (camera bẫy ảnh, flycam ban đêm, thiết bị định vị) giúp phát hiện sớm hành vi vi phạm.
- Các vụ án như thế này nên được đưa ra xét xử công khai, tuyên truyền rộng rãi để làm gương, răn đe cho cộng đồng.

#### **2.4. Đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật từ những vụ án điển hình tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam**

Dưới góc nhìn của nhà nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng 5 vụ án trên cho thấy một bức tranh tương đối rõ nét về hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam. Việc đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật được tác giả tiến hành nghiên cứu trên nhiều khía cạnh.

Hệ thống pháp lý đã tương đối đầy đủ và có tính bao quát. Cơ quan chức năng đã chủ động và tích cực xử lý các vụ việc, có sự cải thiện về mức độ phát hiện và khởi tố vụ án. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế ở tính răn đe thực tế, năng lực điều tra chuyên sâu, và chưa có cơ chế kiểm soát tội phạm có tổ chức xuyên biên giới hiệu quả.

##### **2.4.1. Về căn cứ pháp lý**

Các vụ án đều được xử lý theo Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): “*Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*”, kết hợp với các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định 84/2021/NĐ-CP, Nghị định 06/2019/NĐ-CP, và các thông tư liên tịch về danh mục loài động vật nguy cấp.

Việc áp dụng đúng điều luật, định danh chính xác hành vi vi phạm (săn bắn,

vận chuyển, tàng trữ trái phép động vật hoang dã) cho thấy hệ thống pháp luật có đủ cơ sở để xử lý các hành vi xâm hại đến loài được bảo vệ. Đặc biệt là ở các vụ có yếu tố cấu kết, cơ quan điều tra vẫn chứng minh được hành vi và yếu tố đồng phạm.

#### **2.4.2. Về hình thức xử lý**

Trong các vụ án, có án phạt tù giam nghiêm khắc đối với hành vi mang tính tổ chức và quy mô lớn (như vụ Nguyễn Văn Hưng hoặc nhóm 6 người ở Vườn quốc gia Bạch Mã). Có án treo và xử phạt bổ sung đối với hành vi mang tính chất cá nhân, vận chuyển đơn lẻ.

Điều này cho thấy Tòa án đã linh hoạt và có sự phân hóa trách nhiệm giữa các mức độ vi phạm, đồng thời vẫn đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe chung. Tuy nhiên, mức hình phạt ở một số trường hợp (như 15 tháng tù treo trong vụ Lê Hữu H dù có hành vi vận chuyển mèo rừng nguy cấp) vẫn gây tranh cãi về tính đủ mạnh để ngăn ngừa tái phạm.

#### **2.4.3. Về khó khăn trong xử lý**

Các vụ án đều bộc lộ nhiều thách thức trong thực tiễn áp dụng pháp luật, cụ thể:

- Khó khăn trong xác định loài động vật: Cần chuyên gia giám định hoặc cơ quan cứu hộ chuyên ngành, gây kéo dài thời gian điều tra.
- Tội phạm thường xảy ra tại vùng sâu, vùng xa, rừng quốc gia hoặc giáp biên, nên công tác tuần tra, phát hiện vi phạm phụ thuộc lớn vào năng lực, kinh phí và sự phối hợp của nhiều cơ quan.
- Đối tượng vi phạm thường không rõ lai lịch hoặc liên quan đến đường dây có yếu tố nước ngoài (như trường hợp Lê Hữu T hoặc nhóm tổ chức tại Bạch Mã), gây khó khăn trong điều tra mở rộng.
- Thiếu các biện pháp bảo vệ người tố giác: Do đặc thù vùng sâu, người dân e ngại cung cấp thông tin.

#### **2.4.4. Về bài học kinh nghiệm qua các vụ án**

Qua 5 vụ án, tác giả nhận thấy được một số kinh nghiệm xử lý vụ án có tính

chất tương tự, thể hiện ở:

- Cần tăng cường giám sát biên giới, rừng quốc gia bằng công nghệ (camera bay, drone).
- Tăng cường phối hợp liên ngành giữa kiểm lâm - công an - hải quan - chính quyền địa phương.
- Cần nâng cao năng lực điều tra chuyên biệt về tội phạm môi trường, bao gồm kỹ năng thu thập chứng cứ sinh học và kỹ thuật giám định loài.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đặc biệt tại vùng dân tộc thiểu số, nơi tập quán săn bắt vẫn còn phổ biến.

## **2.5. Các bất cập và hạn chế trong xử lý vi phạm từ những vụ án điển hình tại một số Vườn Quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên tại Việt Nam**

Trong những năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam về bảo vệ động vật hoang dã đã từng bước được hoàn thiện, đặc biệt với việc sửa đổi, bổ sung Điều 244 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các văn bản dưới luật như Nghị định 84/2021/NĐ-CP, tuy nhiên thực tiễn cho thấy hiệu quả thực thi vẫn còn nhiều hạn chế. Thông qua phân tích một số vụ án cụ thể như vụ Lê Hữu H (2018), Lê Hữu T (2020), Nguyễn Văn Hưng (2025), hay nhóm Hồ Văn Công và đồng phạm (2021), có thể nhận diện rõ những bất cập trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Một trong những bất cập nổi bật là chế tài hình sự còn tương đối nhẹ, chưa đủ sức răn đe đối với các đối tượng vi phạm. Nhiều vụ án có tính chất nghiêm trọng nhưng bị cáo chỉ bị tuyên mức án treo, điển hình như các bị cáo Lê Hữu H và Lê Hữu T – đều vận chuyển động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, song chỉ bị xử phạt án treo với thời gian thử thách dài. Việc áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo trong các trường hợp này có thể gây ra tiền lệ pháp lý không nghiêm khắc, làm suy giảm tính phòng ngừa và giáo dục chung của pháp luật hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố tội phạm còn gặp khó khăn về nghiệp

vụ và hạn chế về nguồn lực. Nhiều vụ việc không thể làm rõ người thuê, người mua hay đầu mối tiêu thụ động vật hoang dã do thiếu cơ chế phối hợp điều tra mở rộng hoặc do các đối tượng sử dụng thông tin ẩn danh, không rõ danh tính. Ngoài ra, năng lực chuyên môn về giám định loài và định danh vật chứng tại chỗ còn phụ thuộc nhiều vào các trung tâm cứu hộ hoặc tổ chức chuyên ngành, dẫn đến chậm trễ trong xác định yếu tố cấu thành tội phạm. Đây là lỗ hổng đáng lưu ý trong quá trình áp dụng pháp luật, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm về động vật hoang dã ngày càng có xu hướng tinh vi và xuyên biên giới.

Một vấn đề khác cần được nhìn nhận nghiêm túc là sự thiếu thống nhất trong áp dụng pháp luật giữa các địa phương. Trong khi có địa phương tiến hành khởi tố, xử lý nghiêm khắc ngay cả với hành vi săn bắn động vật nhóm IIB (ví dụ vụ Nguyễn Văn Hưng), thì ở nơi khác hành vi có mức độ tương tự lại chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự (như vụ Trần Văn Bình ở Tây Ninh). Sự thiếu đồng bộ này gây ra hiệu ứng "vùng trũng pháp lý", làm giảm hiệu lực thực tế của pháp luật và tạo cơ hội cho các hành vi vi phạm tiếp diễn mà không bị răn đe đúng mức.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng việc xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam hiện nay vẫn tồn tại nhiều điểm nghẽn cả về thể chế lẫn thực thi. Những hạn chế về chế tài, năng lực điều tra, sự phối hợp liên ngành và tính thống nhất trong áp dụng pháp luật là các vấn đề then chốt cần được tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để đề xuất các giải pháp khả thi hơn. Chỉ khi nào pháp luật được thực thi một cách nghiêm minh, đồng bộ và hiệu quả thì mới có thể ngăn chặn được xu hướng suy giảm đa dạng sinh học – vốn là nền tảng của an ninh sinh thái và phát triển bền vững.

## TIÊU KẾT CHƯƠNG 2:

Việt Nam là quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao, với nhiều hệ sinh thái đặc trưng như rừng mưa nhiệt đới, rừng ngập mặn, rạn san hô và đầm lầy. Để bảo vệ tài nguyên sinh học và các loài động thực vật quý hiếm, hệ thống vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đã được thiết lập trên cả nước. Tính đến nay, Việt Nam có 34 VQG và 56 KBTTN, phân bố rộng khắp các vùng sinh thái. Một số VQG tiêu biểu như Cúc Phương, Phong Nha - Kẻ Bàng, Cát Tiên, Bạch Mã... có giá trị sinh thái, nghiên cứu, du lịch và giáo dục cao.

Các VQG và KBTTN đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học, từ việc bảo vệ môi trường sống tự nhiên, duy trì nguồn gen, cứu hộ và phục hồi loài, cho đến hỗ trợ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển du lịch sinh thái bền vững. Những khu vực này cũng góp phần điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước và thúc đẩy sinh kế cộng đồng địa phương.

Mặc dù công tác bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) là nhiệm vụ quan trọng nhằm duy trì đa dạng sinh học, nhưng tình trạng vi phạm pháp luật tại nhiều VQG và Khu bảo tồn thiên nhiên KBTTN vẫn diễn ra phổ biến, phức tạp với nhiều hình thức khác nhau.

- **Săn bắt trái phép:** Hành vi sử dụng bẫy, súng tự chế để săn bắt thú rừng xảy ra thường xuyên tại các điểm nóng như VQG Pù Mát và KBTTN Pù Huông, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các loài quý hiếm như khỉ mặt đỏ, tê tê, cu li nhỏ...

- **Buôn bán và vận chuyển ĐVHD:** Tình trạng vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm từ chúng (sừng, da, thịt...) diễn ra phức tạp tại các khu vực như VQG Bù Gia Mập, VQG Cúc Phương và đặc biệt là KBTTN Xa Mát – nơi trở thành điểm trung chuyển xuyên biên giới sang Lào, Campuchia.

- **Vi phạm của tổ chức và cá nhân:** Một số doanh nghiệp du lịch sinh thái vi phạm quy định về nuôi nhốt, tương tác với ĐVHD; người dân tại vùng đệm vẫn buôn bán trái phép các sản phẩm từ ĐVHD. Công tác kiểm tra, xử lý còn nhiều hạn chế do thiếu nhân lực, thiếu quyết liệt và có biểu hiện bao che từ một số cán bộ.

Các vụ án tiêu biểu tại các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên phản ánh tương đối rõ hiệu quả của pháp luật bảo vệ động vật hoang dã. Hệ thống pháp luật đã tương đối đầy đủ, cơ quan chức năng chủ động xử lý, nhưng vẫn còn bất cập về năng lực điều tra, tính răn đe và kiểm soát tội phạm xuyên biên giới

## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã**

#### **3.1.1. Bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật về xử lý vi phạm**

*Thứ nhất*, Mặc dù hệ thống pháp luật hiện hành đã có khung pháp lý tương đối đầy đủ, nhưng thực tiễn cho thấy còn nhiều điểm chưa rõ ràng hoặc chưa cập nhật kịp với xu hướng tội phạm mới. Cần tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy định liên quan.

Cần phân loại rõ ràng hơn giữa các nhóm hành vi vi phạm (săn bắt, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ...). Hiện nay, trong các quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, các hành vi vi phạm như săn bắt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, tiêu thụ thường được quy định chung dưới một tội danh hoặc được xử lý theo cùng một điều luật. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, sự không phân định rõ ràng về bản chất và mức độ nguy hiểm của từng hành vi dẫn đến việc đánh giá chưa sát sao tính chất vi phạm và áp dụng hình phạt chưa thật sự công bằng và hợp lý. Do đó, cần thiết phải phân loại rõ hơn bằng cách mở rộng điều 244, Bộ luật Hình sự, quy định chi tiết các nhóm hành vi. Tác giả đề xuất phân loại cụ thể như sau:

- *Săn bắt trái phép*: Đây là hành vi xâm hại trực tiếp đến cá thể động vật trong môi trường sống tự nhiên. Nó có tính chất khởi đầu và gây tổn hại trực tiếp đến quần thể loài, làm suy giảm số lượng ngay từ gốc. Cần xem là hành vi nguy hiểm cao, đặc biệt nếu sử dụng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hoặc săn bắt trong khu vực cấm (RĐĐ, VQG).

- *Vận chuyển trái phép*: Hành vi vận chuyển đóng vai trò trung gian trong chuỗi cung ứng tội phạm, thường được các đối tượng thực hiện theo hình thức thuê người, sử dụng các tuyến đường phức tạp để né tránh kiểm tra. Cần phân biệt rõ giữa vận chuyển với yếu tố tổ chức (có sự bàn bạc, phân công) và vận chuyển đơn lẻ, vô tình tiếp tay.

- *Tàng trữ trái phép*: Hành vi tàng trữ động vật hoang dã hoặc sản phẩm từ

chúng thể hiện ý chí chiếm giữ bất hợp pháp tài sản cấm, có thể nhằm mục đích sử dụng cá nhân hoặc chuẩn bị cho hoạt động tiêu thụ, buôn bán. Cần đánh giá tàng trữ có quy mô, số lượng lớn, có yếu tố liên tục hay không để phân hóa xử lý.

- *Buôn bán, tiêu thụ trái phép*: Đây là hành vi góp phần duy trì và kích thích nhu cầu thị trường, có tính chất thương mại và thường gắn liền với yếu tố lợi nhuận cao. Nên xem xét tăng nặng với hành vi tiêu thụ có yếu tố chuyên nghiệp (buôn bán qua mạng, liên quan nhà hàng, tiệm thuốc...).

Việc phân loại rõ các hành vi trên sẽ giúp xây dựng khung hình phạt phù hợp và phân hóa trách nhiệm hình sự rõ ràng hơn theo mức độ nguy hiểm của từng hành vi. Hỗ trợ cơ quan điều tra và truy tố định danh tội phạm chính xác hơn, đặc biệt trong các vụ án phức tạp có nhiều đối tượng tham gia với vai trò khác nhau.

Việc phân loại rõ các hành vi trên sẽ tăng cường tính giáo dục và phòng ngừa khi mỗi hành vi đều có hướng xử lý đặc thù, rõ ràng, không "đánh đồng" khiến pháp luật mất tính nghiêm minh.

*Thứ hai*, pháp luật hình sự chủ yếu xử lý người trực tiếp thực hiện hành vi như săn bắt, vận chuyển, tàng trữ động vật hoang dã, trong khi các mắt xích trung gian trong chuỗi cung ứng – như người thuê vận chuyển, người tiêu thụ trung gian, người môi giới giao dịch – lại chưa được quy định cụ thể về trách nhiệm pháp lý hoặc khó xử lý vì thiếu căn cứ pháp lý rõ ràng.

Vì vậy, cần phải bổ sung quy định trách nhiệm pháp lý cho các hành vi "gián tiếp" để đấu tranh hiệu quả với tội phạm có tổ chức, vốn thường che giấu hành vi bằng cách phân chia vai trò và thuê người thực hiện. Ngăn chặn từ gốc chuỗi cung ứng phi pháp, không chỉ xử lý "người làm thuê" mà truy đến người chủ mưu, hưởng lợi thực sự. Tăng tính răn đe và khuyến khích khai báo trong các vụ án có yếu tố đường dây.

Do đó, cần quy định rõ ràng hành vi thuê người khác thực hiện, giao dịch trung gian, hoặc lợi dụng người khác vận chuyển trái phép là tình tiết định tội hoặc tăng nặng trong các điều luật liên quan, nhất là trong Điều 244 Bộ luật Hình sự.

*Thứ ba*, cần rà soát, cập nhật danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm theo tiêu

chuẩn quốc tế (CITES, IUCN), đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng. Hiện nay, danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, nhưng chưa cập nhật kịp thời theo tiêu chuẩn quốc tế như Danh lục đỏ IUCN hay Phụ lục CITES, dẫn đến tình trạng khó khăn trong xác định hành vi vi phạm và thiếu thống nhất trong xử lý.

Việc rà soát, cập nhật danh mục theo tiêu chuẩn quốc tế là cần thiết để đảm bảo phù hợp với xu hướng toàn cầu về bảo tồn đa dạng sinh học. Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, nhất quán cho điều tra, truy tố và xét xử các hành vi vi phạm. Tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác quốc tế và kiểm soát buôn bán xuyên biên giới, đồng thời cần công khai, thống nhất một hệ thống danh mục chuẩn tránh chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

### **3.1.2. Nâng cao tính răn đe trong chế tài xử lý**

*Thứ nhất*, Việc áp dụng án treo trong các vụ án xâm hại động vật hoang dã, đặc biệt là những vụ có tính chất tổ chức hoặc liên quan đến các loài đặc biệt nguy cấp, đang đặt ra nhiều lo ngại về tính răn đe và hiệu lực thực tế của pháp luật hình sự trong lĩnh vực bảo tồn. Khi các đối tượng vi phạm được hưởng án treo, dù phạm tội có tổ chức hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng đến đa dạng sinh học, điều đó có thể tạo ra tiền lệ xấu, khiến tội phạm môi trường không cảm thấy bị ràng buộc bởi hậu quả pháp lý đủ mạnh.

Các vụ án như điển hình trên cho thấy thực trạng: dù hành vi có dấu hiệu cấu kết, vi phạm liên quan đến loài nguy cấp (theo CITES/IUCN), nhưng hình phạt chỉ dừng lại ở mức tù treo, không tương xứng với mức độ nguy hiểm của hành vi. Điều này không chỉ làm suy giảm tính giáo dục, phòng ngừa chung của pháp luật mà còn khiến cộng đồng nghi ngờ về sự nghiêm minh của hệ thống tư pháp hình sự trong bảo vệ môi trường.

Đối với các hành vi có tổ chức – như nhóm vận chuyển chuyên nghiệp, đường dây mua bán xuyên biên giới – việc áp dụng án treo còn cản trở khả năng điều tra mở rộng, vì không tạo ra áp lực hợp tác từ phía bị cáo để khai thác thông tin về mạng lưới tội phạm. Trong khi đó, những vụ án có yếu tố liên tỉnh, xuyên biên giới thường

đòi hỏi phải xử lý nghiêm để góp phần cắt đứt chuỗi cung ứng tội phạm và gửi đi thông điệp mạnh mẽ về chính sách hình sự không khoan nhượng.

Bên cạnh đó, các loài được xếp vào nhóm đặc biệt nguy cấp không chỉ có giá trị sinh học cao mà còn là đối tượng được bảo vệ nghiêm ngặt theo luật quốc tế. Do vậy, hành vi xâm hại các loài này cần được xem là tình tiết tăng nặng, và việc áp dụng án treo trong các trường hợp này là không phù hợp với nguyên tắc xử lý nghiêm minh đối với tội phạm môi trường.

Từ những phân tích trên, cần có định hướng sửa đổi hoặc hướng dẫn áp dụng pháp luật theo hướng hạn chế tối đa việc cho hưởng án treo trong các vụ án có tổ chức hoặc xâm hại đến loài đặc biệt nguy cấp, nhằm nâng cao tính răn đe và hiệu quả thực thi pháp luật bảo vệ động vật hoang dã.

*Thứ hai*, Trong bối cảnh tội phạm về động vật hoang dã ngày càng có xu hướng tinh vi, có tổ chức và mang tính xuyên biên giới, việc quy định rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo pháp luật vừa mang tính răn đe vừa có khả năng ngăn chặn hiệu quả các hành vi xâm hại đến hệ sinh thái. Những đối tượng tái phạm hoặc đã từng bị xử lý hành chính, hình sự mà vẫn tiếp tục vi phạm cần bị xử lý nghiêm hơn, bởi hành vi của họ thể hiện ý thức coi thường pháp luật, có nguy cơ tái diễn và mở rộng phạm vi vi phạm.

Tương tự, các vụ việc có yếu tố cấu kết xuyên biên giới như phối hợp vận chuyển, tiêu thụ động vật hoang dã giữa các đối tượng trong và ngoài nước thường có tổ chức chặt chẽ, thủ đoạn che giấu tinh vi và gây khó khăn đặc biệt cho cơ quan điều tra. Những hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật trong nước mà còn đe dọa cam kết quốc tế của Việt Nam trong bảo vệ đa dạng sinh học. Việc bổ sung yếu tố "xuyên biên giới" thành tình tiết tăng nặng là hoàn toàn cần thiết nhằm phản ánh đúng mức độ nguy hiểm của hành vi và phù hợp với xu hướng xử lý tội phạm môi trường toàn cầu.

Bên cạnh đó, một số vụ án có hậu quả trực tiếp đến các loài nguy cấp và hệ sinh thái rừng đặc dụng, đặc biệt là tại các Vườn quốc gia hoặc khu bảo tồn thiên nhiên, nơi được xem là "túi lưu trữ gen" của quốc gia cần được đánh giá dưới góc

độ tác động lâu dài đến đa dạng sinh học. Các hành vi làm tuyệt chủng cá thể quý hiếm, phá vỡ cân bằng sinh thái hoặc xâm hại đến loài đặc hữu có thể để lại hậu quả không thể phục hồi. Do vậy, những hành vi gây hậu quả nghiêm trọng đến đa dạng sinh học cũng cần được quy định là tình tiết tăng nặng trong Bộ luật Hình sự.

Việc bổ sung các tình tiết tăng nặng này không chỉ có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả xử lý mà còn góp phần tạo nền tảng pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng khi đối mặt với các vụ án phức tạp, mang tính xuyên quốc gia hoặc có yếu tố tái phạm nguy hiểm. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để xây dựng chính sách hình sự môi trường mang tính cảnh báo và phòng ngừa cao, phù hợp với xu hướng pháp điển hóa hành vi vi phạm môi trường trong giai đoạn hiện nay.

### **3.1.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng**

Tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thường có tính chất liên ngành, liên vùng và xuyên biên giới. Do đó, cần xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả hơn giữa các cơ quan chức năng. Theo nghiên cứu, tác giả đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như sau:

*Thứ nhất*, trong hệ thống thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng như Công an, Kiểm lâm, Hải quan, Viện kiểm sát và Tòa án đóng vai trò trung tâm, quyết định hiệu quả trong phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm. Mỗi cơ quan có một chức năng riêng biệt nhưng có tính chất bổ trợ chặt chẽ: Kiểm lâm thường là lực lượng đầu tiên tiếp cận hiện trường, phát hiện hành vi vi phạm; Công an đảm nhận vai trò chủ lực trong điều tra; Hải quan giữ vai trò kiểm soát biên giới và cửa khẩu; trong khi Viện kiểm sát và Tòa án là hai cơ quan quyết định về việc truy tố và xét xử.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, sự phối hợp này còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là trong các vụ án phức tạp có yếu tố tổ chức, xuyên quốc gia hoặc cần mở rộng điều tra. Một số vụ việc cho thấy việc chia sẻ thông tin, vật chứng, và kết quả giám định giữa các bên còn chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra và làm rõ hành vi vi phạm. Việc thiếu cơ chế liên ngành thống nhất dẫn đến tình trạng mỗi cơ quan xử lý một phần, thiếu cách tiếp cận tổng thể trong quá trình khởi tố, truy tố và xét xử.

Một vấn đề nổi bật khác là sự thiếu hụt về chuyên môn điều tra tội phạm môi trường, đặc biệt là trong các lực lượng như công an điều tra hình sự và hải quan. Việc xác định loài, định giá động vật hoặc phân biệt nhóm nguy cấp – quý – hiếm đòi hỏi chuyên môn sinh học, điều mà nhiều cán bộ điều tra hiện chưa được đào tạo đầy đủ. Do đó, cần thiết lập tổ công tác liên ngành chuyên biệt để hỗ trợ các vụ việc phức tạp, cũng như tổ chức tập huấn thường xuyên để nâng cao năng lực điều tra, truy tố theo hướng chuyên sâu.

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát và Tòa án giữ vai trò quyết định trong việc định tội danh và áp dụng hình phạt. Thực tiễn cho thấy vẫn còn sự chênh lệch trong áp dụng pháp luật giữa các địa phương, dẫn đến việc cùng một hành vi nhưng có thể bị xử lý khác nhau, gây nên “vùng trũng pháp lý”. Việc thống nhất cách hiểu, cách vận dụng các điều khoản pháp luật, đặc biệt là Điều 244 Bộ luật Hình sự, là rất cần thiết để đảm bảo tính nghiêm minh và công bằng trong xét xử các vụ án liên quan đến động vật hoang dã.

Do đó, việc xây dựng quy trình phối hợp liên ngành một cách chặt chẽ, có phân công rõ trách nhiệm, cơ chế chia sẻ thông tin và hỗ trợ chuyên môn sẽ là chìa khóa nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này. Chỉ khi các cơ quan cùng nhìn nhận tội phạm về động vật hoang dã như một loại hình tội phạm nghiêm trọng, có yếu tố tổ chức và liên kết xuyên biên giới, thì mới có thể tạo nên một hệ thống thực thi pháp luật thống nhất, chủ động và hiệu quả.

*Thứ hai*, công tác bảo vệ động vật hoang dã, chính quyền địa phương là lực lượng gần dân, sát thực tiễn, đóng vai trò đầu mối trong việc quản lý, giám sát và phát hiện sớm vi phạm tại địa bàn cơ sở. Tại các khu vực có Vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vùng sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số, chính quyền xã, huyện và lực lượng kiểm lâm địa phương là những người đầu tiên có thể phát hiện dấu hiệu xâm phạm tài nguyên rừng, bao gồm cả hành vi săn bắt, bẫy, giết mổ, vận chuyển trái phép động vật hoang dã.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều địa phương vẫn còn bị động, thiếu kinh phí, nhân lực và chuyên môn, dẫn đến việc giám sát chưa hiệu quả, thậm chí có nơi còn

buông lỏng quản lý hoặc chưa nhận thức đầy đủ vai trò bảo vệ đa dạng sinh học. Trong khi đó, vùng dân tộc thiểu số thường có tập quán sống gắn liền với rừng, bao gồm cả việc săn bắt hoặc sử dụng động vật hoang dã làm thực phẩm, thuốc chữa bệnh truyền thống. Nếu không có sự đồng hành, định hướng và hỗ trợ từ chính quyền, thì các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật sẽ rất khó đạt hiệu quả bền vững.

Bên cạnh chính quyền, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, tổ chức cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy thay đổi hành vi. Các tổ chức này thường có ưu thế trong việc tiếp cận người dân bản địa, tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường, hướng dẫn nghề sinh kế thay thế, và tạo điều kiện để người dân tham gia trực tiếp vào công tác giám sát rừng. Đặc biệt, mô hình “rừng cộng đồng” hay “tổ giám sát bảo vệ rừng cộng đồng” đã được chứng minh là hiệu quả tại một số địa phương như Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Lào Cai.

Để phát huy vai trò này, cần có chính sách tăng cường phân cấp, giao trách nhiệm và hỗ trợ tài chính – kỹ thuật cho chính quyền cấp cơ sở; đồng thời, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội hoạt động hợp pháp, có cơ chế phối hợp rõ ràng với chính quyền và lực lượng kiểm lâm. Việc thiết lập các cơ chế giám sát cộng đồng, phản ánh vi phạm ẩn danh, và hỗ trợ người tố giác sẽ là những công cụ thiết thực giúp phòng ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi xâm hại động vật hoang dã.

Tóm lại, chỉ khi kết nối được ba tầng lực lượng: chính quyền địa phương – cộng đồng dân cư, tổ chức xã hội, thì việc thực thi pháp luật bảo vệ động vật hoang dã mới thực sự lan tỏa và bền vững. Đây là tuyến phòng thủ đầu tiên và cũng là quan trọng nhất trong cuộc chiến bảo vệ đa dạng sinh học từ gốc rễ của vấn đề.

*Thứ ba*, trong bối cảnh tội phạm về động vật hoang dã ngày càng có xu hướng mạng lưới hóa, xuyên biên giới, việc tăng cường hợp tác quốc tế là yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo hiệu quả trong phát hiện, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm. Nhiều vụ án tại Việt Nam cho thấy sự tham gia của các đối tượng có yếu tố nước ngoài, sử dụng phương thức tinh vi như chuyển tiền qua hệ thống trung gian, vận chuyển động vật qua đường tiểu ngạch hoặc cất giấu trong hàng hóa xuất nhập khẩu, đòi hỏi phải

có cơ chế truy vết xuyên quốc gia và chia sẻ dữ liệu nghiệp vụ nhanh chóng, kịp thời.

Một trong những khía cạnh quan trọng của hợp tác quốc tế là giám định loài, nhất là đối với các loài ngoại lai, quý hiếm mà Việt Nam không có đủ cơ sở khoa học hoặc chuyên gia giám định. Trong các vụ phức tạp, cần phối hợp với các tổ chức quốc tế như CITES, IUCN,... hoặc các trung tâm nghiên cứu ở các quốc gia khác để xác định danh tính loài, nhóm loài, tình trạng bảo vệ và giá trị sinh học của mẫu vật. Việc này không chỉ hỗ trợ truy tố đúng tội danh mà còn góp phần xây dựng hồ sơ bằng chứng đủ sức thuyết phục trước tòa.

Đẩy mạnh hợp tác chia sẻ thông tin điều tra giữa lực lượng thực thi pháp luật Việt Nam và các quốc gia trong khu vực như Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc – những nơi thường được xác định là điểm khởi phát, trung chuyển hoặc tiêu thụ động vật hoang dã. Việc tham gia các mạng lưới như ASEAN-WEN (Mạng lưới thực thi pháp luật về động vật hoang dã của ASEAN), Interpol hoặc các chương trình do UNODC khởi xướng sẽ giúp Việt Nam tiếp cận được hệ thống cảnh báo sớm, nhận diện đối tượng, và phối hợp điều tra liên quốc gia.

Cuối cùng, hợp tác quốc tế không chỉ dừng lại ở khâu điều tra mà còn cần thiết trong đào tạo cán bộ, nâng cao năng lực kỹ thuật cho các cơ quan chức năng Việt Nam. Việc tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên đề, học hỏi kinh nghiệm quốc tế sẽ giúp lực lượng công an, kiểm lâm, hải quan nắm vững hơn các kỹ thuật giám định sinh học, điều tra tài chính, theo dõi dòng tiền, từ đó bóc tách được các chuỗi cung ứng tội phạm có tổ chức – vốn là yếu tố then chốt trong các vụ án phức tạp.

Cần xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu, chia sẻ nhanh thông tin về các vụ việc, đối tượng vi phạm và các tuyến đường vận chuyển nóng, giúp nâng cao hiệu quả ngăn chặn từ sớm, từ xa.

### **3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật**

#### **3.2.1. Tăng cường giám sát, kiểm soát hoạt động buôn bán, vận chuyển động vật hoang dã**

Thực tế cho thấy, phần lớn các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD đều bắt nguồn từ hoạt động săn bắt, vận chuyển và tiêu thụ trái phép qua nhiều khâu trung gian, thường diễn ra tại các tuyến đường rừng, khu vực biên giới và các chợ đầu mối. Đây là những khu vực khó kiểm soát nếu không có sự phối hợp chặt chẽ và liên tục giữa các cơ quan chức năng.

Lực lượng kiểm lâm, công an, hải quan và bộ đội biên phòng cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả để thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra định kỳ cũng như đột xuất tại các điểm nóng. Việc trao đổi thông tin thường xuyên và chia sẻ dữ liệu về các đối tượng nghi vấn, tuyến vận chuyển trọng điểm, kho bãi lưu giữ hàng hóa là rất cần thiết để phát hiện sớm các dấu hiệu vi phạm. Ngoài ra, cần triển khai các tổ công tác liên ngành tại các trạm kiểm soát hoặc khu vực giáp ranh nhằm kiểm tra liên tục, không để lộ khoảng trống trong giám sát.

Bên cạnh việc kiểm tra hành chính, các lực lượng chức năng cần áp dụng các biện pháp nghiệp vụ chuyên sâu như theo dõi, điều tra bí mật, cài cắm trình sát và sử dụng các công cụ công nghệ như camera giám sát, máy quét, thiết bị nhận diện sinh học để phát hiện hoạt động vận chuyển động vật hoang dã trá hình trong các xe hàng hóa, kiện vận chuyển thông thường. Đối với các đường dây lớn có yếu tố tổ chức, cần áp dụng phương pháp điều tra ngược dòng để truy vết từ khâu tiêu thụ đến nguồn gốc khai thác, nhờ đó triệt phá tận gốc mạng lưới phạm pháp.

Việc kiểm soát tại các cửa khẩu, cảng hàng không, kho vận và địa bàn trung chuyển là khâu then chốt cần siết chặt. Nhiều vụ án đã cho thấy các đối tượng lợi dụng sơ hở trong khâu giám sát hải quan để đưa các loài động vật nguy cấp ra khỏi hoặc vào trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, cần đầu tư thêm về thiết bị soi chiếu, tăng cường đào tạo chuyên môn cho cán bộ tại các trạm kiểm soát biên giới và xây dựng cơ chế phối hợp quốc tế trong giám sát chuỗi cung ứng xuyên biên giới.

Không thể thiếu vai trò của chính quyền địa phương trong việc giám sát các hoạt động gây nuôi, buôn bán động vật tại các chợ truyền thống, cơ sở kinh doanh hoặc khu vực dân cư. Các địa phương cần chủ động nắm tình hình, rà soát các cơ sở có nguy cơ vi phạm và phối hợp chặt chẽ với cơ quan trung ương khi phát hiện các

dấu hiệu nghi vấn. Sự tham gia của chính quyền cơ sở sẽ giúp tạo thành mạng lưới giám sát khép kín từ trung ương đến địa phương, tăng cường hiệu quả phòng ngừa và xử lý hành vi vi phạm.

### **3.2.2. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm là một trong những giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã. Trên thực tế, nhiều cơ sở gây nuôi, buôn bán động vật hoang dã, vườn thú tư nhân hay các điểm kinh doanh tại chợ truyền thống đang bị lợi dụng như một “vỏ bọc” hợp pháp để che giấu các hành vi săn bắt, vận chuyển và tiêu thụ loài nguy cấp. Do đó, việc tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ, đột xuất có ý nghĩa lớn trong việc kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hoạt động vi phạm.

Cơ quan chức năng cần xây dựng kế hoạch thanh tra có trọng điểm, tập trung vào các địa bàn có nguy cơ cao, đồng thời áp dụng các phương pháp kiểm tra chuyên sâu như đối chiếu hồ sơ pháp lý với thực tế số lượng loài, giám định độc lập về loài và nguồn gốc động vật. Cũng cần đặc biệt chú ý đến những trường hợp chuyển giao động vật nội bộ giữa các cơ sở, hay “sinh sản nhân tạo” nhưng không có cơ sở khoa học rõ ràng, vì đây thường là kẽ hở bị lợi dụng.

Việc xử lý các hành vi vi phạm cần thực hiện một cách công khai, minh bạch, đảm bảo đúng pháp luật nhưng cũng phải đủ sức răn đe. Những vụ việc điển hình nên được công bố rộng rãi qua các phương tiện thông tin đại chúng như một hình thức tuyên truyền kết hợp, giúp cảnh tỉnh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cả cộng đồng. Việc này không chỉ giúp ngăn ngừa hành vi tái phạm mà còn củng cố niềm tin của người dân vào pháp luật và các cơ quan thực thi.

Ngoài ra, để tránh tình trạng “nhờn luật” do xử lý chưa nghiêm hoặc thiếu thông nhất giữa các địa phương, cần tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Đồng thời, cần có cơ chế hậu kiểm sau xử lý, đặc biệt với các cơ sở từng bị xử phạt, nhằm đảm bảo việc khắc phục vi phạm được thực hiện nghiêm túc và không tái diễn dưới hình thức khác.

Vai trò của người dân và doanh nghiệp cũng cần được phát huy thông qua các

chiến dịch tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về tác hại của việc tiêu thụ động vật hoang dã và trách nhiệm tuân thủ pháp luật. Chỉ khi các chủ thể trong xã hội nhận thức rõ hậu quả và nghĩa vụ pháp lý, thì công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm mới đạt hiệu quả toàn diện, bền vững.

### **3.2.3. Ứng dụng công nghệ trong giám sát và bảo vệ động vật hoang dã**

Việc áp dụng các thiết bị hiện đại như camera bẫy ảnh, drone (thiết bị bay không người lái), hệ thống giám sát bằng vệ tinh hay phần mềm phân tích dữ liệu sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giám sát tại rừng quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên, những khu vực có địa hình phức tạp và khó kiểm soát. Ngoài ra, cần phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về loài nguy cấp, tội phạm liên quan đến ĐVHD và thông tin về đối tượng vi phạm, phục vụ điều tra và ngăn ngừa tái phạm hiệu quả hơn.

### **3.2.4. Xây dựng cơ chế phản hồi, tiếp nhận thông tin từ người dân**

Khuyến khích cộng đồng, đặc biệt là cư dân tại vùng rừng, vùng đệm và vùng dân tộc thiểu số, tham gia phát hiện và tố giác hành vi vi phạm. Để làm được điều này, cần có cơ chế bảo vệ người tố giác, đồng thời có chính sách hỗ trợ, khen thưởng để tạo động lực cho cộng đồng tham gia giám sát.

## **3.3. Xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả**

### **3.3.1. Xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả**

Công tác truyền thông, giáo dục cộng đồng đóng vai trò then chốt trong việc thay đổi nhận thức và hành vi đối với vấn đề bảo vệ ĐVHD. Các chương trình truyền thông cần được thiết kế một cách bài bản, đa dạng về hình thức như: phim tài liệu, phóng sự, tọa đàm trên truyền hình. Chiến dịch truyền thông xã hội qua mạng Internet, hội thảo, tọa đàm tại cộng đồng dân cư. Nội dung truyền thông cần tập trung vào việc cung cấp thông tin rõ ràng, dễ hiểu về tình trạng nguy cấp của các loài, tác hại của việc tiêu thụ ĐVHD và chế tài pháp luật đối với các hành vi vi phạm.

Đặc biệt, cần nhấn mạnh yếu tố cảm xúc và kết nối với văn hóa bản địa trong các thông điệp truyền thông, nhằm khơi gợi sự đồng cảm, lòng tự hào và trách nhiệm của cộng đồng đối với thiên nhiên. Những câu chuyện gần gũi, ví dụ từ chính khu

vực dân cư sinh sống gần rừng quốc gia, sẽ có sức lan tỏa lớn hơn là thông tin khô cứng. Các chương trình giáo dục môi trường trong trường học cũng cần được lồng ghép nội dung về bảo vệ ĐVHD, nhằm tạo nền tảng nhận thức vững chắc từ sớm cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, việc sử dụng người nổi tiếng, người có tầm ảnh hưởng trong xã hội để làm đại sứ truyền thông cũng là một phương án hiệu quả để thu hút sự chú ý của công chúng. Những chiến dịch có sự đồng hành của nghệ sĩ, KOLs, nhà khoa học hay người dân địa phương từng có chuyển biến trong nhận thức có thể tạo ra hiệu ứng tích cực trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ thành thị – nhóm thường có xu hướng tiêu thụ sản phẩm từ ĐVHD dưới hình thức thời trang, làm đẹp hoặc thú cưng.

Cuối cùng, cần có cơ chế đánh giá định kỳ hiệu quả các chương trình truyền thông, từ đó điều chỉnh chiến lược phù hợp với từng nhóm đối tượng mục tiêu và từng khu vực địa lý cụ thể. Truyền thông không chỉ dừng lại ở việc “đánh động” dư luận mà phải là quá trình lâu dài, liên tục, gắn kết với các chính sách và hành động thực tiễn để thúc đẩy sự thay đổi bền vững trong nhận thức và hành vi xã hội.

### **3.3.2. Tăng cường hợp tác với các tổ chức bảo tồn trong và ngoài nước**

Hợp tác với các tổ chức bảo tồn trong và ngoài nước là một hướng đi cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ ĐVHD, đặc biệt trong bối cảnh tội phạm về ĐVHD ngày càng mang tính xuyên quốc gia và phức tạp. Các tổ chức này không chỉ có kinh nghiệm chuyên sâu trong bảo tồn, mà còn sở hữu nguồn lực kỹ thuật, tài chính và mạng lưới kết nối quốc tế mà Việt Nam có thể tận dụng.

Việc hợp tác có thể được triển khai thông qua các chương trình nghiên cứu khoa học, tập huấn chuyên môn, hỗ trợ thiết bị kỹ thuật (như camera bẫy, công cụ giám định gen), và các chiến dịch truyền thông cộng đồng. Đồng thời, các tổ chức bảo tồn quốc tế như WWF, TRAFFIC, IUCN hay WCS có thể giúp Việt Nam tiếp cận thông tin toàn cầu về tình trạng các loài, xu hướng buôn bán ĐVHD, cũng như kinh nghiệm thực thi pháp luật hiệu quả từ các quốc gia khác.

Hợp tác quốc tế còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách chính sách, khuyến nghị sửa đổi luật pháp phù hợp với các chuẩn mực quốc tế như Công

ước CITES hay Danh lục Đỏ IUCN. Thông qua mạng lưới đối tác bảo tồn, Việt Nam có thể tiếp cận các công cụ pháp lý, tài liệu hướng dẫn và mô hình quản lý tiên tiến để điều chỉnh hệ thống pháp luật và thực thi sao cho đồng bộ, hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, các tổ chức phi chính phủ trong nước như ENV, PanNature, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên... cũng cần được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia sâu vào quá trình giám sát, giáo dục cộng đồng và hỗ trợ phát hiện vi phạm. Việc tạo ra cơ chế phối hợp ba bên – chính quyền, tổ chức bảo tồn và người dân – sẽ là chìa khóa để xây dựng một hệ sinh thái bảo vệ ĐVHD mang tính cộng đồng, có chiều sâu và bền vững.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 3:

### 1. Về định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã

#### *- Bổ sung, sửa đổi quy định pháp luật về xử lý vi phạm:*

+ Phân loại hành vi vi phạm: Cần phân biệt rõ các hành vi như săn bắt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã để áp dụng hình phạt phù hợp hơn. Đề xuất mở rộng Điều 244 BLHS nhằm quy định chi tiết hơn từng nhóm hành vi, theo tính chất và mức độ nguy hiểm.

+ Xử lý hành vi gián tiếp: Hiện pháp luật chủ yếu xử lý người trực tiếp vi phạm, bỏ qua các mắt xích như người thuê, môi giới. Cần bổ sung quy định về trách nhiệm pháp lý với hành vi gián tiếp để truy đến người chủ mưu.

+ Cập nhật danh mục loài nguy cấp: Danh mục loài quý hiếm cần được rà soát, thống nhất và cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế (CITES, IUCN) để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho xử lý vi phạm.

#### *- Nâng cao tính răn đe trong chế tài xử lý:*

+ Hạn chế án treo: Đề xuất không áp dụng án treo với các vụ án có tổ chức hoặc liên quan đến loài đặc biệt nguy cấp, nhằm nâng cao hiệu lực răn đe của pháp luật.

+ Bổ sung tình tiết tăng nặng: Các hành vi tái phạm, có yếu tố xuyên biên giới, gây hậu quả nghiêm trọng đến hệ sinh thái (nhất là tại Vườn Quốc gia, khu bảo tồn) cần được quy định là tình tiết tăng nặng trong BLHS.

#### *- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng:*

+ Tăng cường liên ngành: Cần thiết lập cơ chế phối hợp rõ ràng giữa các cơ quan như Công an, Kiểm lâm, Hải quan, Viện kiểm sát, Tòa án... đặc biệt trong điều tra, chia sẻ thông tin và giám định chuyên môn.

+ Phát huy vai trò chính quyền cơ sở và cộng đồng: Chính quyền địa phương, đặc biệt ở các vùng có Vườn Quốc gia, cần được hỗ trợ về nhân lực, tài chính, chuyên môn. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia giám sát, tuyên truyền và bảo vệ động vật hoang dã.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế: Trước xu hướng tội phạm xuyên biên giới, cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong điều tra, giám định loài và chia sẻ thông tin với các nước trong khu vực và các tổ chức quốc tế như CITES, IUCN.

## **2. Về giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật**

### ***- Tăng cường giám sát, kiểm soát buôn bán, vận chuyển ĐVHD:***

Cần đẩy mạnh phối hợp liên ngành giữa kiểm lâm, công an, hải quan, biên phòng để tuần tra, kiểm tra các điểm nóng, nhất là tuyến rừng, biên giới, chợ đầu mối. Áp dụng nghiệp vụ điều tra chuyên sâu, công nghệ giám sát hiện đại và điều tra ngược dòng với các đường dây lớn. Kiểm soát chặt tại cửa khẩu, sân bay, kho vận và tăng cường vai trò của chính quyền địa phương trong giám sát buôn bán tại cơ sở.

### ***- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm:***

Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất tại các cơ sở dễ bị lợi dụng làm vỏ bọc hợp pháp cho hành vi phạm pháp. Thanh tra có trọng điểm, đối chiếu hồ sơ pháp lý với thực tế, xử lý nghiêm và công khai các vi phạm để tạo sức răn đe. Tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ và hậu kiểm sau xử lý. Kết hợp tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cộng đồng và doanh nghiệp.

### ***- Ứng dụng công nghệ giám sát:***

Triển khai camera bẫy ảnh, drone, vệ tinh và phần mềm phân tích dữ liệu để theo dõi hiệu quả tại các khu vực rừng. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về loài nguy cấp và tội phạm liên quan nhằm hỗ trợ điều tra, phòng ngừa vi phạm.

### ***- Phát huy vai trò người dân:***

Khuyến khích cộng đồng, đặc biệt ở vùng rừng và dân tộc thiểu số, tham gia phát hiện, tố giác hành vi vi phạm. Cần có cơ chế bảo vệ người tố giác và chính sách khen thưởng phù hợp để thúc đẩy sự tham gia tích cực.

## **3. Về xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả**

### ***- Xây dựng các chương trình truyền thông hiệu quả:***

+ Truyền thông và giáo dục cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi nhận thức, hành vi bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD). Các chương trình truyền thông cần đa dạng hình thức (phim tài liệu, tọa đàm, chiến dịch mạng xã hội...), nội dung rõ ràng, dễ hiểu và nhấn mạnh vào tình trạng nguy cấp của loài, tác hại của việc tiêu thụ ĐVHD và chế tài pháp luật.

+ Thông điệp truyền thông nên gắn với yếu tố cảm xúc, văn hóa bản địa và câu chuyện gần gũi để tăng tính lan tỏa. Giáo dục về ĐVHD cần được đưa vào chương trình học. Việc sử dụng người nổi tiếng, KOLs hay người dân có trải nghiệm tích cực cũng giúp lan tỏa thông điệp, đặc biệt tới giới trẻ thành thị.

+ Cuối cùng, cần có cơ chế đánh giá định kỳ để điều chỉnh chiến lược truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và khu vực cụ thể, đảm bảo tính bền vững và gắn kết với chính sách thực tiễn.

***- Tăng cường hợp tác với các tổ chức bảo tồn trong và ngoài nước:***

+ Việc hợp tác với các tổ chức bảo tồn quốc tế và trong nước là cần thiết để nâng cao hiệu quả bảo vệ ĐVHD trong bối cảnh tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phức tạp. Các tổ chức này có thể hỗ trợ về chuyên môn, kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm thực thi pháp luật.

+ Hợp tác có thể thông qua nghiên cứu, tập huấn, truyền thông, cung cấp thiết bị, chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, hợp tác còn giúp cải thiện chính sách, điều chỉnh pháp luật phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

+ Cần tạo điều kiện để các tổ chức phi chính phủ trong nước tham gia sâu vào giáo dục, giám sát và phát hiện vi phạm. Cơ chế phối hợp giữa chính quyền – tổ chức bảo tồn – người dân là yếu tố then chốt để xây dựng hệ thống bảo vệ ĐVHD hiệu quả và bền vững.

## KẾT LUẬN

Động vật hoang dã (ĐVHD) là một phần thiết yếu cấu thành nên sự đa dạng sinh học và giữ vai trò then chốt trong việc duy trì sự cân bằng và ổn định của hệ sinh thái. Mỗi loài ĐVHD đều có vị trí, chức năng riêng trong chuỗi thức ăn, trong vòng tuần hoàn tự nhiên, và sự biến mất của bất kỳ loài nào cũng có thể kéo theo những hậu quả khó lường đến toàn bộ hệ sinh thái. Do đó, việc bảo vệ các loài ĐVHD trước nguy cơ tuyệt chủng là nhiệm vụ cấp bách, không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn tự nhiên mà còn liên quan mật thiết đến phát triển bền vững của con người.

Trong bối cảnh hiện nay, mối đe dọa lớn nhất đối với ĐVHD chính là tình trạng săn bắt, buôn bán và tiêu thụ trái phép diễn ra trên quy mô rộng lớn. Đáng lo ngại là Việt Nam, cùng với Trung Quốc, đang được nhìn nhận như một trong những điểm nóng về trung chuyển và tiêu thụ ĐVHD toàn cầu. Hành vi buôn bán, vận chuyển và sử dụng trái phép các sản phẩm từ ĐVHD không chỉ làm gia tăng nguy cơ tuyệt chủng của các loài mà còn gây tác động tiêu cực đến môi trường, làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế – xã hội, sức khỏe cộng đồng và an ninh quốc gia. Đồng thời, những hành vi này cũng làm tổn hại đến uy tín và hình ảnh của Việt Nam trong mắt cộng đồng quốc tế.

Từ những vụ việc điển hình mà tác giả nghiên cứu, nhận thấy rõ rằng việc cần làm cấp bách hiện nay là hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam. Đây không chỉ là một yêu cầu cấp thiết mà còn là một chiến lược lâu dài nhằm đảm bảo an ninh sinh thái và phát triển bền vững. Một hệ thống pháp luật toàn diện, nhất quán và khả thi sẽ tạo nền tảng pháp lý vững chắc để các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ ĐVHD. Đồng thời, pháp luật còn là công cụ quan trọng trong việc đấu tranh, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, góp phần răn đe và ngăn chặn hiệu quả tội phạm trong lĩnh vực này.

Pháp luật chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được thực thi một cách nghiêm túc, đầy đủ và đúng đắn. Để làm được điều đó, mỗi cán bộ thực thi pháp luật từ kiểm lâm, công an, hải quan đến kiểm sát viên, thẩm phán không chỉ cần nắm vững quy định pháp luật mà còn phải nhận thức sâu sắc về vai trò và ý nghĩa của việc bảo vệ

ĐVHD đối với lợi ích quốc gia và cộng đồng. Từ nhận thức đó, mới có thể vận dụng pháp luật một cách linh hoạt, quyết liệt và hiệu quả trong thực tiễn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), “*Luật Đa dạng sinh học*” số: 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2021), Nghị định số: 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021, quy định về: “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22 tháng 01 năm 2019 của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*”.
3. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2019), Nghị định số: 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019, quy định về: “*Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*”.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Luật số: 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015 quy định “*Bộ Luật Hình sự*”
5. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), Luật số 12/2017/QH14, ngày 20/06/2017, quy định về: “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật hình sự số 100/2015/QH13*”.
6. Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số: 24-NQ/TW, ngày 03 tháng 6 năm 2013, nghị quyết về: “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”.
7. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Luật số: 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015, quy định “*Bộ Luật tố tụng Hình sự*”.
8. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), Luật số: 16/2017/QH14, ngày 15/11/2017, quy định về: “*Luật Lâm nghiệp*”.
9. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2017), Luật số: 18/2017/QH14, ngày 21/11/2017, quy định về: “*Luật Thủy sản*”.
10. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), Luật số: 79/2015/QH13, ngày 19 tháng 06 năm 2015, quy định về: “*Luật Thú y*”.
11. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2020), Luật số: 61/2020/QH14, ngày

- 17/06/2020, quy định về: “*Luật Đầu tư*”.
12. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), Luật số: 16/2012/QH13, ngày 21 tháng 6 năm 2012, quy định về: “*Luật Quảng cáo*”.
13. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), Luật số: 15/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012, quy định về: “*Luật Xử lý vi phạm hành chính*”.

#### **Tiếng Anh:**

14. Gibbs, H. K., Ruesch, A. S., Achard, F., Clayton, M. K., Holmgren, P., Ramankutty, N., & Foley, J. A. (2010). *Tropical forests were the primary sources of new agricultural land in the 1980s and 1990s*. Proceedings of the National Academy of Sciences, 107(38), 16732-16737.
15. Laurance, W. F., Useche, D. C., Rendeiro, J., Kalka, M., Bradshaw, C. J., Sloan, S. P., ... & Campbell Jr, M. (2012). *Averting biodiversity collapse in tropical forest protected areas*. Nature, 489(7415), 290-294.

#### **Webstite:**

16. <http://www.thefreedictionary.com/wildlife>.
17. <https://tuoitre.vn/nhung-dong-vat-hoang-da-mang-virus-gay-dai-dich-20200324190959204.htm>
18. <https://www.iucnredlist.org/search?query=Red%20list&searchType=species>
19. <http://www.unep.org/yearbook/2014/PDF/chapt4.pdf>
20. [https://vietnam.panda.org/our\\_work\\_vn/wildlife\\_vn/species\\_conservation\\_vn/sao\\_la/](https://vietnam.panda.org/our_work_vn/wildlife_vn/species_conservation_vn/sao_la/)
21. <https://octo.vn/-bai-viet-tu-rung-xanh-thanh-hoang-mac-tac-dong-cua-nan-pha-rung-toi-moi-truong-song-cua-dong-vat-hoang-da.html#:~:text=Theo%20ngghi%C3%AAn%20c%E1%BB%A9u%20c%E1%BB%A7a%20Gibbs,nguy%20c%C6%A1%20b%E1%BB%8B%20tuy%E1%BB%87t%20ch%E1%BB%A7ng>.
22. [https://www.wwf.org.vn/what\\_we\\_do/forests/](https://www.wwf.org.vn/what_we_do/forests/)
23. <https://www.traffic.org/vn/about-us/working-with-cites/>
24. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Cong-uoc-da->

- dang-sinh-hoc-CBD-1992-67330.aspx
25. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh\\_s%C3%A1ch\\_v%C6%B0%E1%BB%9Dn\\_qu%E1%BB%91c\\_gia\\_t%E1%BA%A1i\\_Vi%E1%BB%87t\\_Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_v%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%BB%91c_gia_t%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_Nam)
  26. <https://nbca.gov.vn/cong-cu-bao-ton/xac-lap-cac-khu-vuc-bao-ve-bao-ton/khu-bao-ton-thien-nhien/vuon-quoc-gia/>
  27. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh\\_s%C3%A1ch\\_v%C6%B0%E1%BB%9Dn\\_qu%E1%BB%91c\\_gia\\_t%E1%BA%A1i\\_Vi%E1%BB%87t\\_Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_v%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%BB%91c_gia_t%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_Nam)
  28. <https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/cac-van-ban-quy-pham-phap-luat-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da>
  29. <https://baotintuc.vn/the-gioi/bao-dong-ve-so-luong-loai-voi-chau-phi-giam-manh20210326064719177.htm#:~:text=Ch%E1%BB%89%20c%C3%A1ch%20%C4%91%C3%A2y%20n%E1%BB%ADa%20th%E1%BA%BF,th%E1%B%B1c%20hi%E1%BB%87n%20v%C3%A0o%20n%C4%83m%202016.>
  30. <https://cckl.bacgiang.gov.vn/content/item/parent/cac-van-ban-quy-pham-phap-luat-ve-bao-ve-dong-vat-hoang-da>
  31. <https://www.unep.org/resources/annual-report/unep-2014-annual-report>
  32. <https://nbca.gov.vn/cong-cu-bao-ton/xac-lap-cac-khu-vuc-bao-ve-bao-ton/khu-bao-ton-thien-nhien/ban-do-khu-bao-ton-thien-nhien-viet-nam/>
  33. <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-162021hsst-ngay-05022021-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-bao-ve-dong-vat-nguy-cap-quy-hiem-172628>